



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN,
Nguyễn Đức Cảnh - Thành phố Thái Bình

Số điện thoại: 02273.642.311

Số fax: 02273.642.312

Website: <http://damsanjsc.vn>



THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HĐQT



“ Để có sức cạnh tranh, chúng ta phải nghĩ đến việc sản xuất hàng hóa theo quy mô lớn. Máy móc thiết bị phải hiện đại, tính tự động hóa cao, tiêu hao ít năng lượng, chi phí sản xuất phải tiết giảm...”

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2019 khép lại với nhiều khó khăn cho ngành dệt may nói chung và Công ty Cổ phần Damsan nói riêng. Kinh tế thế giới có dấu hiệu giảm tốc nhưng Việt Nam vẫn có khả năng giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao so với các quốc gia trong khu vực. Trong năm 2019, GDP của Việt Nam tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao trong vòng 10 năm trở lại đây, và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Xét về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,8% - mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua.

Năm 2020 đã bắt đầu với những yếu tố bất lợi đến từ nền kinh tế toàn cầu có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, tình hình dịch bệnh viêm phổi cấp nCoV diễn biến phức tạp khiến nền kinh tế toàn cầu và các thị trường tiêu thụ dệt may chủ chốt (Mỹ, EU, Nhật) được dự kiến sẽ tiếp tục đã giảm tốc. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ Trung kéo dài, cụ thể là gói đánh thuế thứ 3 của Mỹ lên hàng hóa Trung Quốc bao gồm các sản phẩm sợi và vải, đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến ngành dệt may nói chung và ngành sản xuất sợi nói riêng. Trong khi sản lượng từ việc xuất khẩu sợi vẫn tăng, đơn giá sợi giảm mạnh đã khiến biên lợi nhuận xuất khẩu giảm theo.

Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành dệt may, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan cũng gặp phải nhiều khó khăn khi doanh thu thuần của công ty đạt 1.705,14 tỷ đồng, giảm 7,30% so với năm 2018; lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 8,28 tỷ đồng, tương đương với 14,17% lợi nhuận của năm 2018.

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Damsan, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã

đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty hơn 10 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ quý vị.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành!

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**Vũ Huy Đông**



MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG	8	05. QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	24	06. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	43
03. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	30	07. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	45
04. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35		

01 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	DAMSAN JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07/03/2018
Vốn điều lệ	255.178.010.000 đồng
Địa chỉ	Lô A4 , Đường Bùi Viện, KCN.Nguyễn Đức Cảnh - Thành phố Thái Bình
Số điện thoại	02273.642.311
Số fax	02273.642.312
Website	http://DamSanjsc.vn
Mã cổ phiếu	ADS
Logo	

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN VÀ CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT



Thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi DamSan.
Xây dựng nhà máy DamSan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng



Trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC)



Tăng vốn điều lệ lên 160,7 tỷ đồng. Đổi tên thành Công ty Cổ phần DamSan. Nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



Tăng vốn điều lệ lên 168.734.810.000 đồng
Top 500 Các doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam 2017
Top 50 Công ty Việt Nam thịnh vượng có tốc độ phát triển nhanh nhất 2017



Đầu tư nhà máy DamSan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD tại khu công nghiệp Gia Lễ

Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế 2013
Giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2013

Niên yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Tăng vốn điều lệ lên 255.178.010.000 đồng
Top 60 thương hiệu, sản phẩm uy tín của ngành xây dựng Việt Nam và được tặng cờ thi đua của thủ tướng chính phủ



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Sản xuất sợi
2. Sản xuất vải dệt thoi
3. Hoàn thiện sản phẩm dệt
4. Sản xuất hàng may sẵn
5. Sản xuất thảm chăn đệm
6. Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
(Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn)
7. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
(Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông)
8. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
(Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh)
9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may)
10. Bán buôn kim loại và quặng kim loại
(Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại màu (trừ vàng))
11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
12. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
13. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
14. Xây dựng nhà các loại
15. Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ
(Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ)
16. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
(Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng)
17. Hoàn thiện công trình xây dựng
18. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
19. Lắp đặt hệ thống điện

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

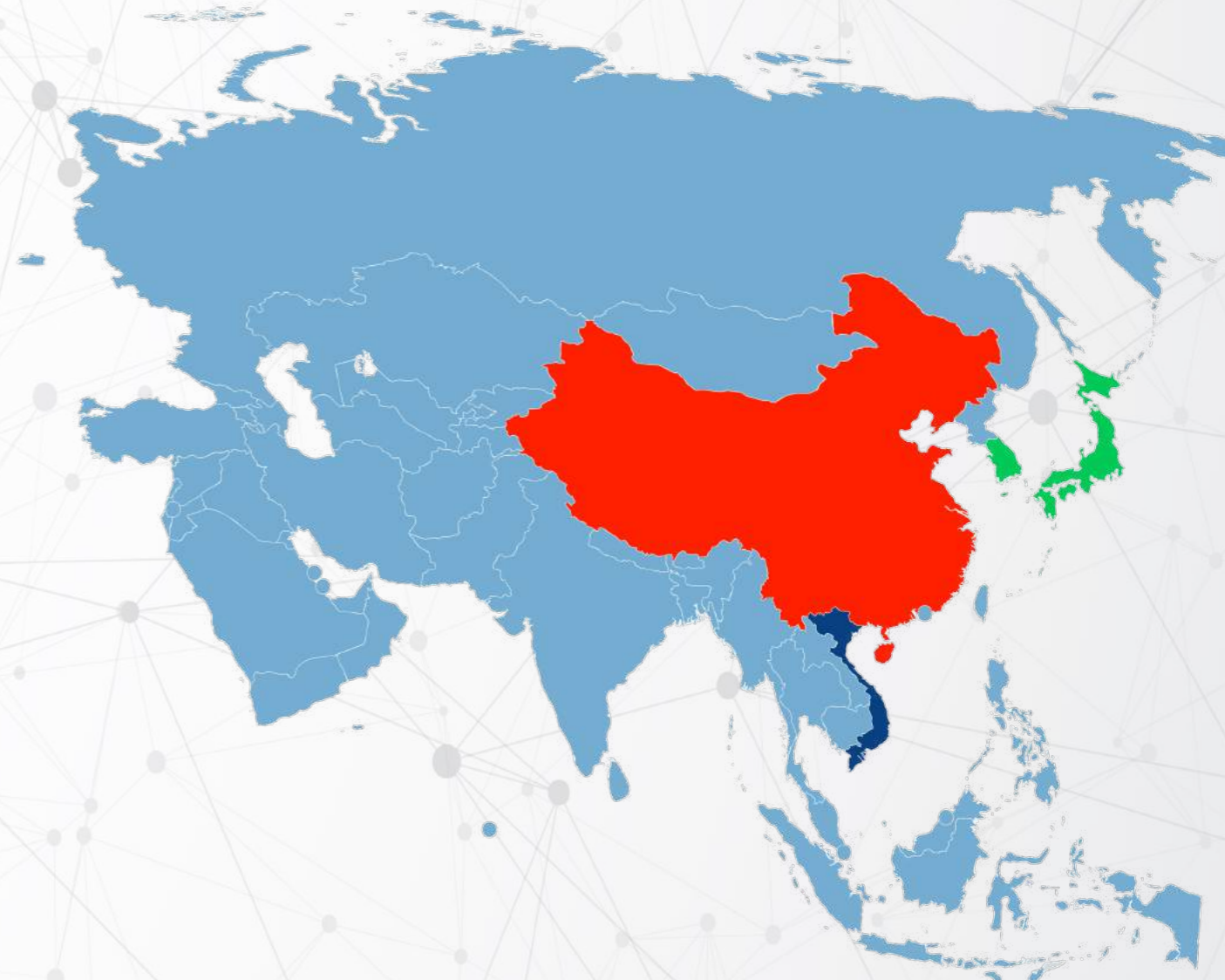
Sản phẩm Sợi của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu sang Trung Quốc.



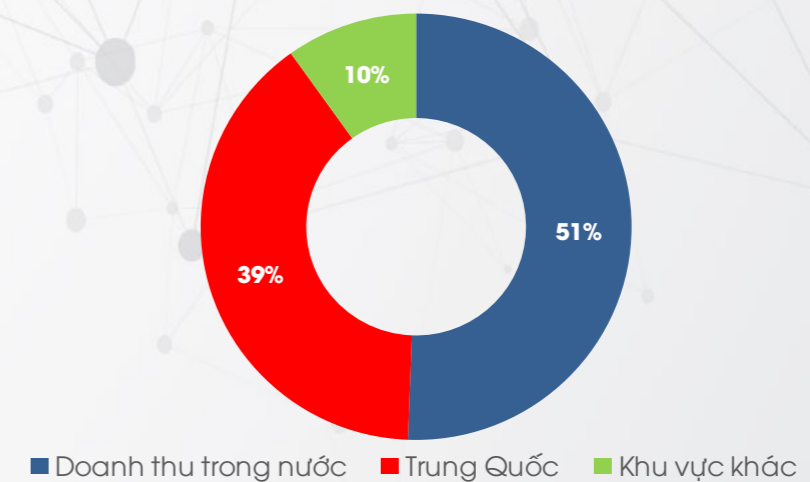
Một hàng khăn bông được sản xuất với mục đích xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc.



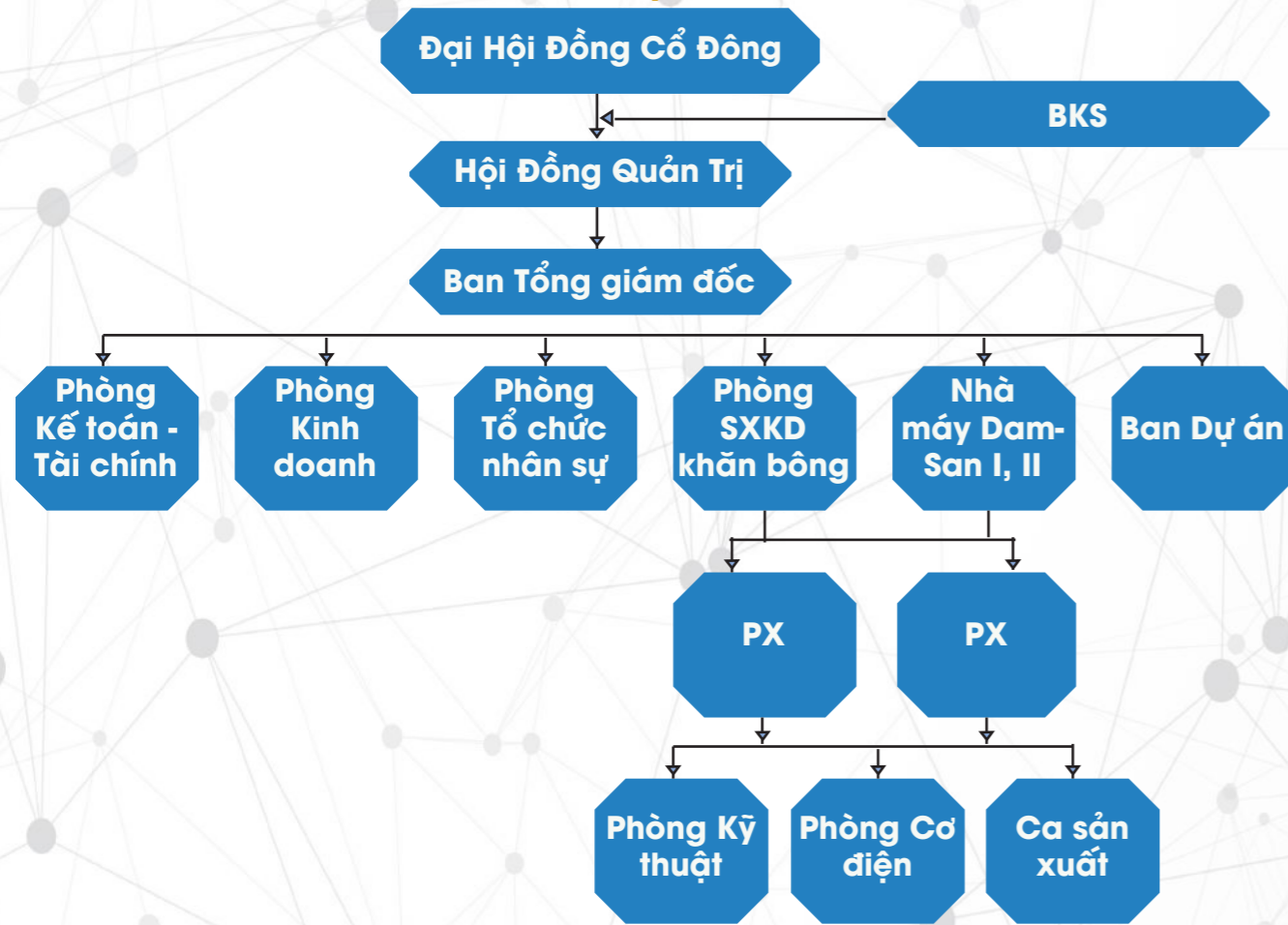
Hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại thành phố Thái Bình.



Cơ cấu doanh thu theo khu vực



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

BAN KIỂM SOÁT Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ Công ty bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.



TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/ dệt và phát triển đa ngành với cốt lõi là dệt may và bất động sản.



SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Phục Vụ khách hàng :

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Đồng Tâm Hiệp Lực :

Mỗi người trong DamSan cần chung sức cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Liên Tục Cầu Tiến :

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

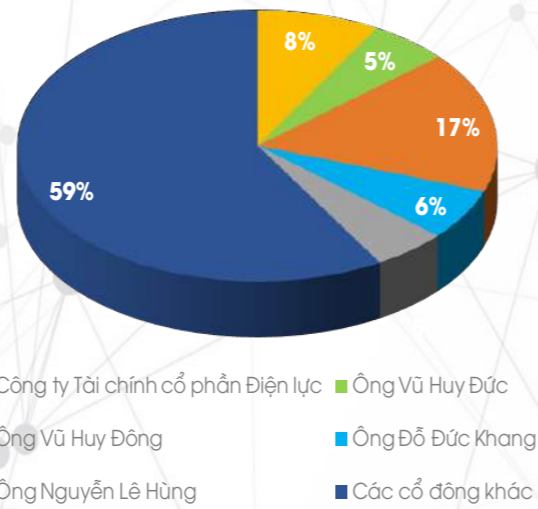
Cùng nhau Phát Triển :

Gắn kết sự phát triển của DamSan với mọi người trong xã hội và mỗi cán bộ công nhân viên DamSan.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần (tính đến 03/12/2019)
Ông Vũ Huy Đông	4.308.730
Công ty TCCP Điện lực	2.099.923
Ông Đỗ Đức Khang	1.550.000
Ông Vũ Huy Đức	1.368.000
Ông Nguyễn Lê Hùng	1.270.666
Các cổ đông khác	14.920.482
Cộng	25.517.801

Cơ cấu sở hữu của cổ đông lớn

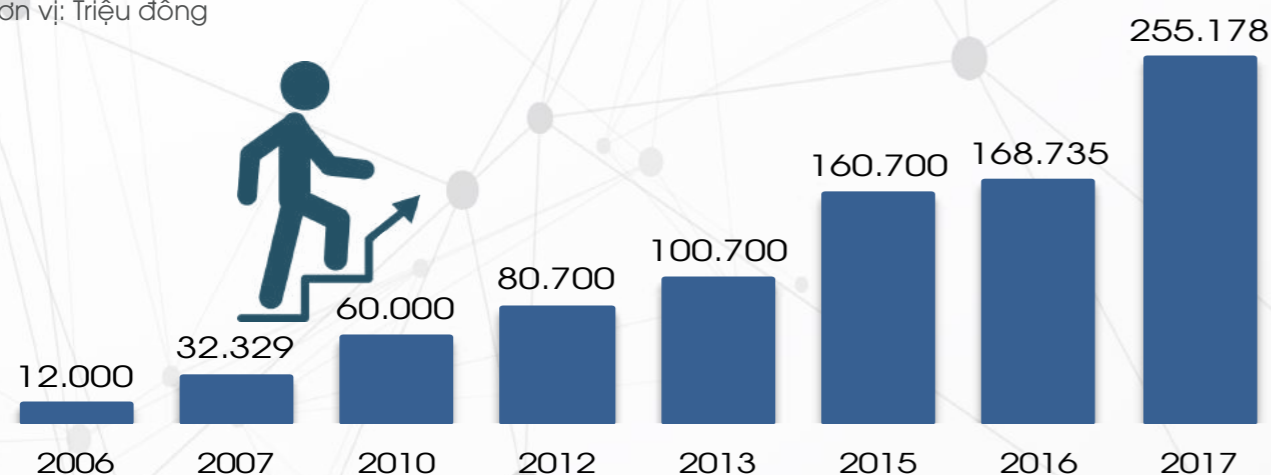


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	10.597.319	105.973.190.000	41,53%
2	Cổ đông nhỏ	14.920.482	149.204.820.000	58,47%
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
1	Cổ đông trong nước	25.492.809	254.928.090.000	99,90%
2	Cổ đông nước ngoài	24.992	249.920.000	0,10%
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
1	Cổ đông tổ chức	19.129.679	191.296.790.000	74,96%
2	Cổ đông cá nhân	6.388.122	63.881.220.000	25,04%
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng		25.517.801	255.178.010.000	100%

LỊCH SỬ TĂNG VỐN

Đơn vị: Triệu đồng



CÔNG TY CON

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL
Địa chỉ	Lô 159/14, KCN Gia Lễ, X. Đông Xuân, H. Đông Hưng, Thái Bình
Lĩnh vực chính	Sản xuất kinh doanh sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt
Vốn điều lệ	75 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	81%



CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Viện Dệt May Việt Nam
Địa chỉ	478 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Lĩnh vực chính	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Sản xuất, lắp đặt, bán buôn bán lẻ các mặt hàng, thiết bị và phụ tùng ngành Dệt
Vốn điều lệ	50 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	30%



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

Ông Vũ Huy Đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ
4.308.730

Quá trình công tác

- 1990-2004: Cửa hàng Trưởng Công ty XNK Thái Bình
- 2005-2007: Giám đốc Công ty TMĐT Thái Bình kiêm Giám đốc CTCP Dệt sợi DamSan
- 2006-2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dệt sợi DamSan
- 2015-nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP DamSan - Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ

02

Ông Vũ Huy Đức

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ
1.368.000

Quá trình công tác

- 2000-2005: Cán bộ quản lý tại Công ty TNHH Minh Trí
- 2005-2010: Giám đốc Nhà máy sợi Đông Phong
- 2010-2016: Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong

03

Ông Nguyễn Lê Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Kỹ sư Xây dựng
Số cổ phần nắm giữ
1.270.666

Quá trình công tác

- 1995-nay: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Minh Trí

04

Ông Lê Văn Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ
420.000

Quá trình công tác

- 1985-1990: Công ty Dầu lửa Trung Ương
- 1991-1995: Công ty XNK Nacemimex
- 1996-nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thanh Bình Hà Nội

05

Ông Đỗ Văn Khôi

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ
945.000

Quá trình công tác

- 1977-2015: nhân viên Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ
- 2006-nay: Thành viên HĐQT CTCP DamSan

06

Ông Phạm Văn Thượng

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Cử nhân tài chính ngân hàng
Số cổ phần nắm giữ
0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2008-3/2019: Công ty CPCP Khoán FPT
- 4/2019-nay: Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Quá trình công tác

- 2004-2006: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt Đà Nẵng
- 2006-2008: Kế toán CTCP Dệt sợi DamSan
- 2008-2012: Phó phòng kinh doanh CTCP Dệt sợi DamSan
- 2012: Phó phòng Tổ chức nhân sự - CTCP Dệt sợi DamSan
- 2013-2019: Kế toán Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC
- 4/2019-nay: Trưởng BKS CTCP DamSan

02

Bà Vũ Thùy Linh

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ
15.750

Quá trình công tác

- 2011-2015: Nhân viên Phòng kinh doanh CTCP Dệt sợi DamSan
- 4/2018-4/2019 : Trưởng BKS CTCP DamSan
- 4/2019-nay: Thành viên BKS CTCP DamSan

02

Ông Lê Xuân Chiến

Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ
745.300

Quá trình công tác

- 2005-2006: CTCP Đầu tư & Phát triển Nhà Tây Hồ
- 2006-2007: CTCP Sông Đà 12
- 2007-2008: Kế toán - CTCP Dệt sợi DamSan
- 2008-2009: Phó phòng Kế toán - CTCP Dệt sợi DamSan
- 2009-2014: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính kiêm Phó Phòng Kế toán - CTCP Dệt sợi DamSan
- 2014-2015: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch tài chính - CTCP Dệt sợi DamSan
- 2016-nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - CTCP DamSan

01

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Hòai

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kế toán
Số cổ phần nắm giữ
3.150

03

Bà Tạ Thị Thu Hiền

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Số cổ phần nắm giữ
184.827

Quá trình công tác

- 4/2018-nay: Thành viên BKS Công ty Cổ Phần DamSan

01

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Vũ Huy Đông

Tổng Giám đốc

Đã giới thiệu ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

03

Bà Vũ Phương Diệp

Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Tài chính
Số cổ phần nắm giữ
1.008.000

VỊ THẾ

ADS hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và quản lý gián tiếp 01 nhà máy thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Sợi Eiffel với tổng công suất 16.560 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm. Thị trường cung ứng sợi cotton của Việt Nam hiện nay có khoảng 100 doanh nghiệp với tổng số cọc sợi đạt 7,5 triệu và năng lực sản xuất đạt 1,05 triệu tấn năm 2016. Là doanh nghiệp tư nhân với 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sợi, Công ty Cổ phần DamSan là một trong các doanh nghiệp lớn nhất cả nước về quy mô sản xuất sợi với số lượng cọc sợi đứng thứ 5 cả nước, cao hơn trung bình ngành.

“TỔNG CÔNG SUẤT 16.560 TẤN SỢI/ NĂM VÀ 2.040 TẤN KHĂN/NĂM - ĐỨNG THỨ 5 CẢ NƯỚC”

CÁC RỦI RO**Rủi ro về kinh tế xã hội năm 2019**

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn Châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch.

Rủi ro về lãi suất

Kể từ đợt tăng lãi suất huy động tại các ngân hàng những ngày cuối năm 2018, lãi suất huy động trong 10 tháng đầu năm 2019 được duy

trì ổn định. Theo đó, lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 4,3% - 5,5%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3% - 6,5%/năm đối với tiền gửi từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và ở mức 6,5% - 7% đối với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Lãi suất cho vay bằng VND tiếp tục duy trì ở mức 6% - 9% đối với khoản vay ngắn hạn, 9% - 11% đối với khoản vay trung và dài hạn.

Trong năm 2019, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cũng đã thực hiện cắt giảm lãi suất lần thứ 03, hiện xuống mức 1,5%-1,75%/năm. Sau đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng có ban hành Quyết định số 2415 và 2416/QĐ-NHNN liên quan đến việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa của các tổ chức tín dụng.

Rủi ro về pháp luật

Là một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, ngoài việc chịu ảnh hưởng dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Không chỉ có vậy, Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực dệt may, bất động sản phải chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... của nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với ngành dệt may và bất động sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn thiện nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

**Rủi ro về đặc thù ngành****Rủi ro từ biến động giá cả nguyên liệu đầu vào**

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm cũng là nguồn nguyên liệu chính của Công ty Cổ phần DamSan trong sản xuất sợi. Tuy nhiên bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi... Sản lượng sản xuất bông hiện nay của Việt Nam là thấp, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành dệt may. Nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu vẫn phải nhập khẩu, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành và của DamSan bị phụ thuộc rất nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài. Do đó, Công ty có thể gặp phải rủi ro khi giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động bất thường dẫn đến việc gia tăng chi phí đầu vào. So với năm 2018, giá bông năm nay đã giảm mạnh từ 0.95USD tại thời điểm tháng 8 năm 2018 đến dưới 0.60USD cùng kỳ năm nay. Trung bình trong hai năm qua, giá bông đã sụt giảm 11.54% kể từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2017.

Rủi ro từ cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh là rủi ro mất khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Để duy trì được năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành không chỉ ở trong nước mà còn ở toàn cầu. Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo

sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vina-text, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm giá bán diễn ra gay gắt. Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Là doanh nghiệp dệt sợi lớn tại phía Bắc, Công ty cổ phần DamSan cũng đang phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu Trung Quốc. Các công ty của Việt Nam không chỉ cạnh tranh với nhau mà đang dần phải đối mặt với sự cạnh tranh từ chính các doanh nghiệp sợi Trung Quốc nhờ những chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất sợi tại nước này. Ngoài ra, khả năng mở rộng phát triển các thị trường xuất khẩu mới chưa được khai thác phát huy tối đa do thiếu nguồn lực nhân sự chất lượng cao, am hiểu ngành nghề, gắn bó với Công ty. Chính vì vậy, doanh nghiệp này ý thức rõ những rủi ro khi hoạt động xuất khẩu bị phụ thuộc hoàn toàn vào một thị trường. Để hạn chế những ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của mặt hàng sợi DamSan.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng của biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

A photograph of a cotton field with white cotton bolls on dark brown stems against a blue sky with light clouds. The image is used as a background for the slide.

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Kết quả sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Ban điều hành

Tổ chức và nhân sự

Các khoản đầu tư lớn trong năm

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

THÔNG TIN NGÀNH

Nguyên liệu đầu vào (Bông) được nhập khẩu 100% từ các doanh nghiệp lớn tại thị trường Mỹ, Ấn Độ, Hồng Kông, Singapore với khối lượng 20.000-25.000 tấn bông/năm. Sợi đầu ra chủ yếu được xuất khẩu 85%, 15% còn lại được tiêu thụ trong nước và sản xuất khăn bông. Trong đó sản phẩm được xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm đến 80% tổng sản lượng xuất khẩu. Do đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh cốt lõi chịu nhiều tác động từ chính sách quản lý bông sợi của Trung Quốc. Tỷ suất lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2019 của các doanh nghiệp sợi giảm mạnh, thấp nhất trong 5 năm trở lại đây. Do ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại, đơn giá xuất khẩu sợi giảm mạnh là nguyên nhân khiến tỷ suất lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sợi giảm.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Tình hình kinh tế năm 2019 trong và ngoài nước với những tác động tích cực và tiêu cực đối với ngành dệt may đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan. Kết thúc năm 2019, Tổng doanh thu đạt 1.705 tỷ đồng, chỉ bằng 85% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,64 tỷ đồng, tương đương với 14,17% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính là do gói đánh thuế thứ 3 của Mỹ lên hàng hóa Trung Quốc bao gồm các sản phẩm sợi và vải đã có

những ảnh hưởng tiêu cực đến ngành sợi Việt Nam nói chung và công ty Damsan nói riêng. Trong khi sản lượng từ việc xuất khẩu sợi vẫn tăng, đơn giá sợi giảm mạnh đã khiến biên lợi nhuận xuất khẩu giảm theo.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Năm 2019, giá trị tổng tài sản đạt 1.733,48 tỷ đồng, tăng 20,57 tỷ đồng tương ứng tăng 1,20% so với năm 2018. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 82 tỷ đồng tương đương tăng 6,50% so với năm 2018. Vốn chủ sở hữu giảm 48,86 tỷ đồng, tương đương với 10,81% so với năm 2018. Nguồn giảm chủ yếu đến từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 39 tỷ đồng và lợi ích cổ đông không kiểm soát 7 tỷ đồng.

Trước tình hình kinh tế với nhiều khó khăn trong năm 2019, Damsan đạt doanh thu ở mức 1.705,14 tỷ đồng, giảm 134,30 tỷ đồng tương ứng 7,30% so với năm 2018. Nguồn doanh thu chủ yếu vẫn đến từ hoạt động kinh doanh khăn, sợi và bông. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty giảm đáng kể so với năm 2018. Nguyên nhân chính có thể kể đến như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 7,30% trong khi chi phí giá vốn hàng bán chỉ giảm 3,50%, dẫn đến sự sụt giảm 56,27% lợi nhuận gộp của Công ty.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	2017	2018	2019	Tăng TB 2015-2019 (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.055,68	1.265,20	1.565,13	1.712,91	1.733,48	13,20%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	234,10	256,75	430,83	451,97	403,11	14,55%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.301	1.101	1.503	1.839	1.705	6,99%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	73,07	46,65	39,43	62,51	48,89	-21,78%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.219,52	1.011,17	1.380,87	1.709,21	1.648,34	7,82%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,76	35,49	62,86	56,44	8,28	-8,40%

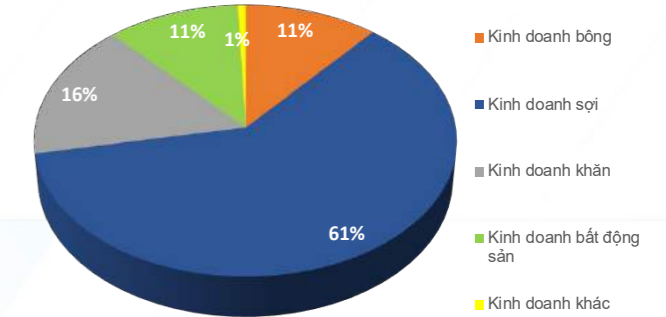
CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trong năm 2019 không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2018. Hoạt động kinh doanh sợi cotton vẫn chiếm hơn 60% tổng doanh thu trong khi kinh doanh bông, khăn tắm, khăn mặt và bất động sản dao động từ 10-15%. Cụ thể, doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh sợi đạt 1.036,24 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2018, vẫn đóng vai trò trọng yếu trong cơ cấu doanh thu. Năm 2019, mảng kinh doanh khăn cũng như bất động sản đã cải thiện, tăng 1,84% và 29,50% so với năm 2018. Đối lập với đó là sự sụt giảm doanh thu đối với mảng kinh doanh bông, giảm từ 241,18 tỷ đồng trong năm 2018 xuống còn 191,34 tỷ đồng trong năm 2019.

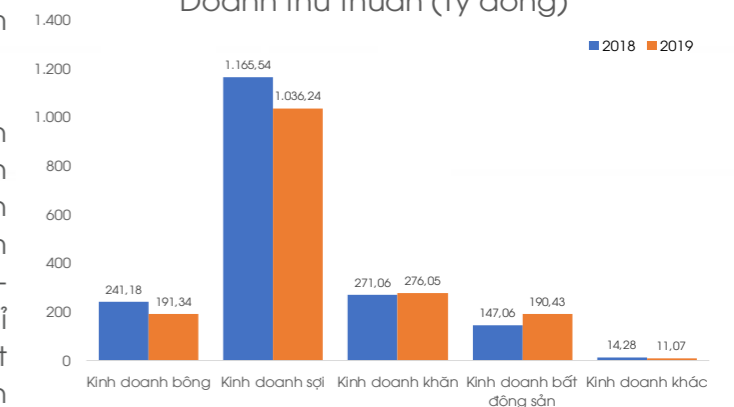
Một điểm đáng chú ý trong báo cáo tài chính năm 2019 là sự thay đổi trong cơ cấu lợi nhuận gộp so với mọi năm. Theo đó, hoạt động kinh doanh sợi năm 2019 lỗ 10,07 tỷ đồng, giảm 65,84 tỷ so với năm 2018. Hoạt động kinh doanh bất động sản và kinh doanh khăn dù chỉ chiếm một phần nhỏ trong doanh thu (lần lượt 11% và 16%) nhưng đem lại phần lớn lợi nhuận cho Công ty năm nay. Cụ thể, lợi nhuận gộp từ việc kinh doanh bất động sản tăng gấp 4,4 lần so với năm 2018, đạt 30,85 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh khăn cũng có sự cải thiện đáng kể, tăng 8,94 tỷ đồng tương đương 65,45%.

Như vậy, trong năm 2019, mặc dù doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh sợi, hoạt động kinh doanh bất động sản và kinh doanh khăn lại là nguồn lợi nhuận chính của Công ty.

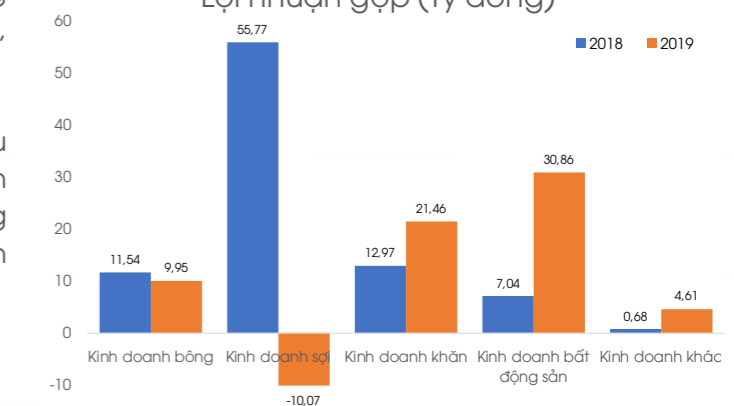
Cơ cấu Doanh thu thuần 2019



Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)



Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019 (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	2.000,00	1.705,14	85,25%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	68,00	9,64	14,17%
Lương lao động bình quân/người	đồng	7.000.000,00	6.500.000,00	92,86%

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2019	% Năm 2019
I Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	69	9,90%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	81	11,62%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	0,00%
4	Lao động phổ thông	Người	547	78,48%
II Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	Người	478	68,58%
2	Lao động gián tiếp	Người	219	31,42%
III Theo giới tính				
1	Nam	Người	371	53,23%
2	Nữ	Người	326	46,77%
Tổng cộng		Người	697	100%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VỀ TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên

VỀ ĐÀO TẠO

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG, PHÚC LỢI

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình

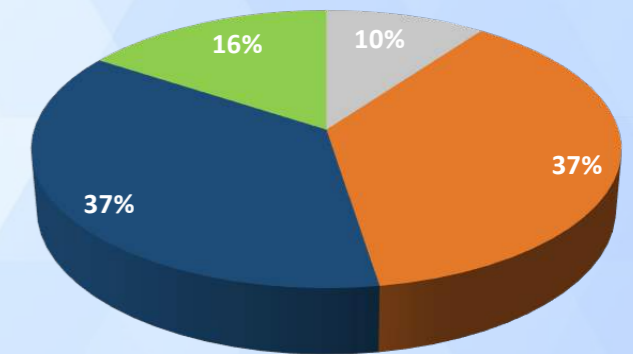
độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do ĐHCĐ quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để có chính sách khen thưởng phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm để thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

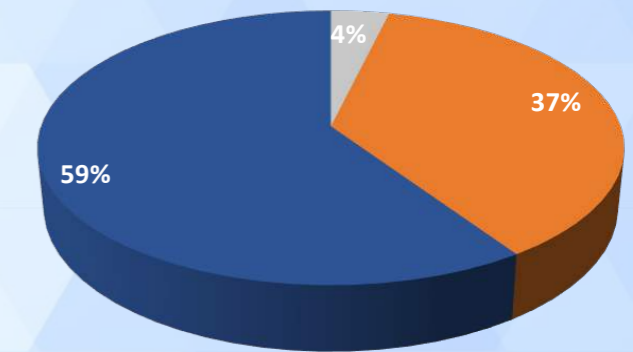
Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ,... đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI



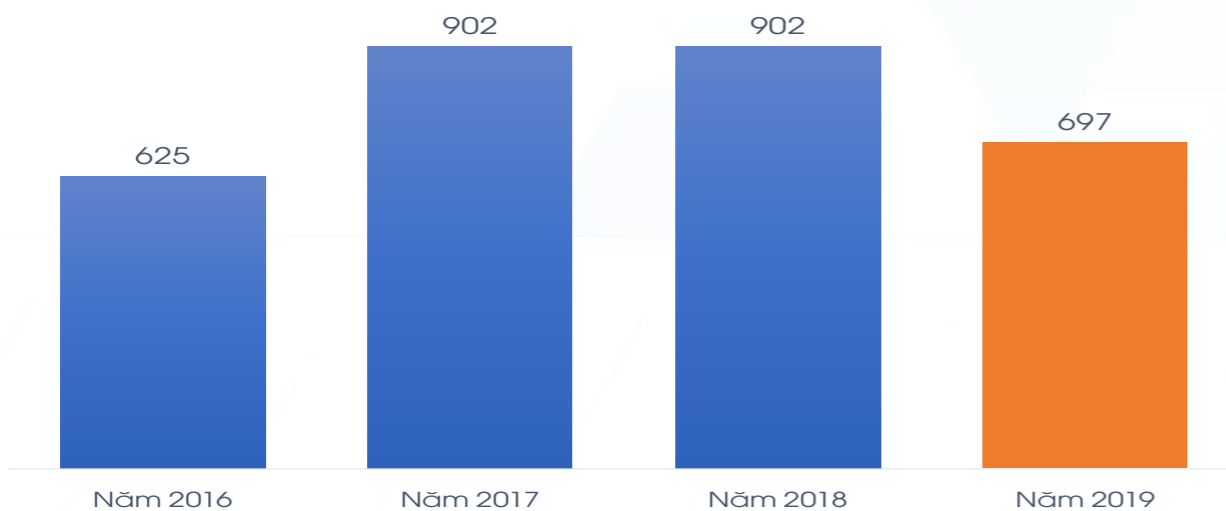
■ Từ 18 đến 25 tuổi
■ Từ 26 đến 35 tuổi
■ Từ 36 đến 45 tuổi
■ Trên 45

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG



■ Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm
■ Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm
■ Hợp đồng không xác định thời hạn

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (NGƯỜI)



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Khu đô thị Phú Xuân DamSan

Nằm ngay sát trung tâm thành phố, khu đô thị Phú Xuân DamSan có tổng diện tích trên 105 ngàn m² dọc theo tuyến đường Lý Bôn với thiết kế hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại bậc nhất tỉnh Thái Bình. Dự án với quy mô 76 lô biệt thự chiều cao từ 3-4 tầng cùng với 248 lô nhà phố liền kề 4-5 tầng theo phong cách Shop-house sẽ được chủ đầu tư xây thô và hoàn thiện ngoại thất. Ngoài ra, Khu đô thị còn có những dịch vụ tiện ích hoàn hảo cùng công viên cây xanh, sân thể thao, nhà văn hóa thiếu nhi và trường mẫu giáo.



Cụm Công Nghiệp An Ninh

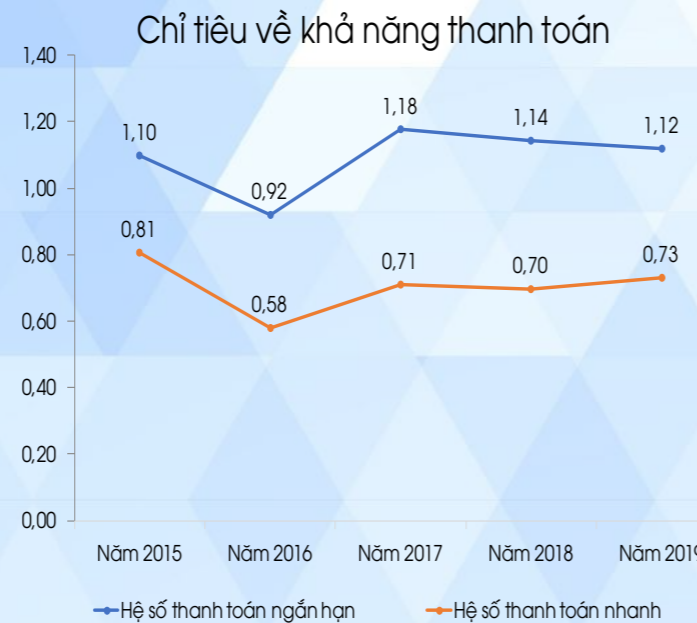
Với diện tích dự kiến 49,8 hectare tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, Công ty cổ phần DamSan đã triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ cho cụm công nghiệp. Dự án được kỳ vọng sẽ thu hút các nhà đầu tư lớn về sản xuất công nghiệp sạch, đảm bảo môi trường theo tiêu chuẩn Việt Nam



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong khi hệ số thanh toán nhanh đã có sự cải thiện, tăng 0,03 lần lên 0,73 lần trong năm 2019, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,02 lần so với năm 2018 từ 1,14 xuống 1,12 lần. Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm hệ số thanh toán ngắn hạn là do nợ ngắn hạn tăng 98,46 tỷ đồng mặc dù tài sản ngắn hạn tăng 82,56 tỷ đồng trong giai đoạn 2018-2019. Nhìn chung, công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn nợ/tổng tài sản của công ty giai đoạn 2015 - 2019 không có sự biến động lớn. Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ số nợ/tổng tài sản năm 2019 là 0,77 lần, cho thấy công ty tận dụng khá tốt đòn bẩy tài chính để đầu tư cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu đã có sự cải thiện rõ rệt trong giai đoạn 2017 - 2018. Việc sử dụng nguồn vốn nợ thay cho vốn chủ sở hữu tiềm ẩn một rủi ro về chi phí tài chính đến từ các khoản vay. Tuy nhiên, việc chia trả cổ tức bằng 20% vốn điều lệ cộng với việc gia tăng vay ngắn hạn đã dẫn đến việc hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu tăng 0,51 lần.

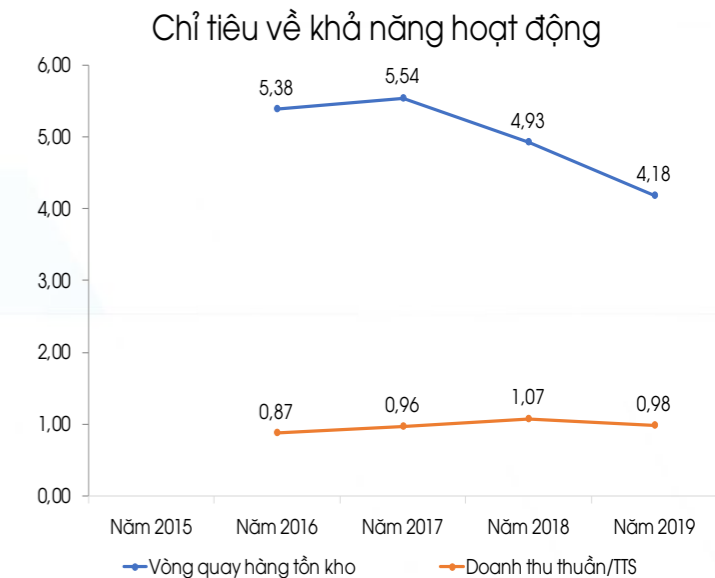
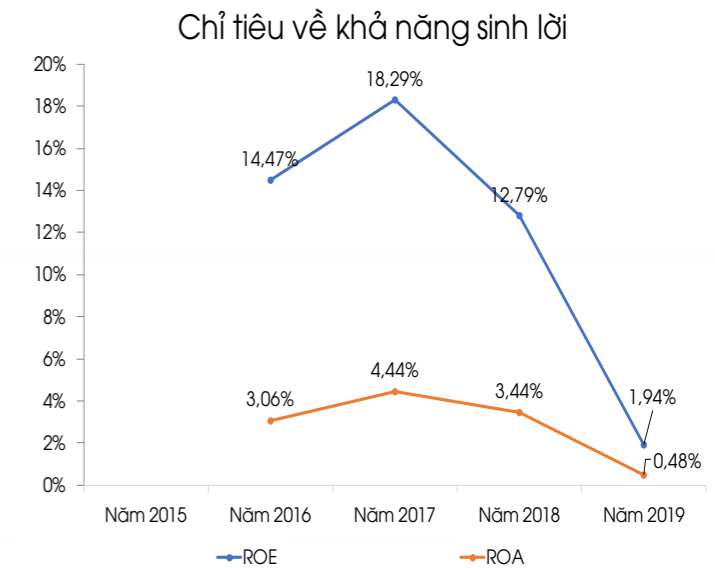
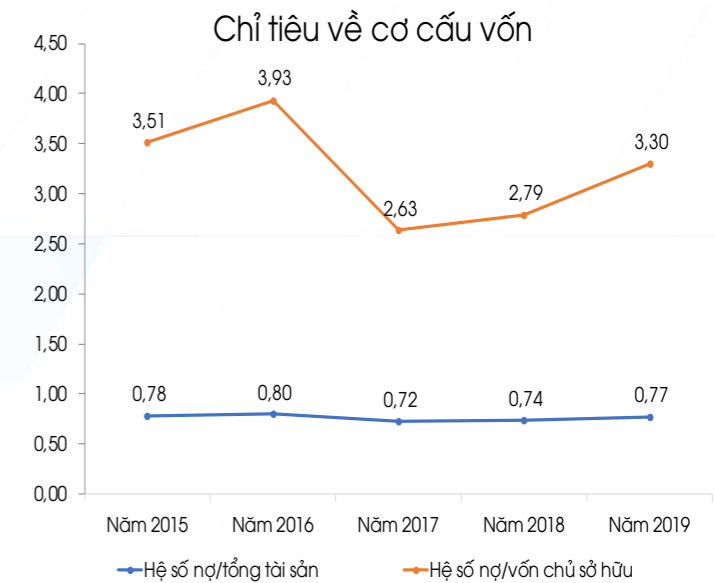
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2019 giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm trở lại đây. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 1,94%, chỉ bằng 1/9 so với năm 2017. Việc đồng loạt giảm của nhóm chỉ số sinh lời là do lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019 chỉ đạt 8,28 tỷ đồng, giảm 85% so với năm 2018. Nguyên nhân do đơn giá sợi bông giảm sâu trong khi chi phí không có nhiều biến động dẫn đến những tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 là 4,18 vòng, giảm 0,74 vòng so với năm 2018. Nguyên nhân đến từ việc lượng hàng tồn kho bình quân tăng 47,03 tỷ đồng, trong khi giá vốn hàng bán giảm 60,87 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm xuống còn 0,99 lần, tương đương giảm 11,81% so với năm 2018. Mặc dù tổng tài sản không có sự biến động lớn, doanh thu thuần của công ty giảm đáng kể từ 1.839 tỷ xuống 1.705,14 tỷ trong giai đoạn 2018-2019.



03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Thuận lợi và khó khăn

Tình hình tài chính

Cải tiến trong quản lý

**Mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch
kinh doanh năm 2020**

**Đầu tư tài chính phục vụ sản xuất kinh
doanh - Đầu tư phát triển**

**Giải pháp và biện pháp để thực hiện các
mục tiêu kế hoạch kinh doanh**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019 là năm Damsan có tốc độ tăng trưởng chậm lại cả về quy mô tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu và lợi nhuận. So với kế hoạch đề ra đầu năm 2019, Doanh thu thuần của công ty chỉ đạt 1.705,14 tỷ đồng, tương đương với 85,25% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 14,17% kế hoạch đề ra, giảm 84,33% so với năm 2018.

Tại đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong báo cáo đã dự báo cả năm và có các giải pháp để vượt qua năm 2019. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc kéo dài suốt năm 2019 làm toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của công ty là sợi CD và OE mất giá thê thảm. Nhằm đảm bảo sản xuất duỗi theo quy luật của thị trường về giá cả nguyên liệu, thành phẩm và đảm bảo thu được khấu hao, lãi vay, thu nhập của người lao động cũng như thanh khoản với ngân hàng. Do giá cả các ngành hàng dệt may bị áp thuế bởi cuộc chiến Mỹ Trung nên cả năm 2019 mặt hàng sợi bông bị lỗ rất nặng. Đối với các ngành hàng khác ít ảnh hưởng hơn công ty đã tập trung chỉ đạo điều hành một cách linh hoạt, tối đa hóa lợi nhuận. Cụ thể là mặt hàng khăn bông xuất khẩu sang Nhật Bản, mặt hàng kinh doanh bất động sản, bán nhà xây thô cho các hộ dân. Kinh doanh tài chính nhằm giảm lãi tiền vay của toàn công ty trong năm 2019 (có báo cáo kiểm toán kèm theo). Trên cơ sở hoạt động chung của toàn công ty, năm 2019 vẫn đảm bảo hoạt động ổn định và công ty không bị quá thiệt hại khi ngành hàng sợi bị lỗ tới hơn 60 tỷ đồng.

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

Thuận lợi

Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tương đối tốt trong năm 2019, tiêu dùng cá nhân tăng, sự phát triển bền vững của đầu tư toàn cầu, sự cải thiện của thị trường lao động. Nhu cầu tiêu

dùng tại các thị trường tiêu thụ hàng may mặc hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản đều có sự tăng trưởng tốt, thúc đẩy việc tiêu thụ các nguyên liệu dệt may, trong đó có sợi cotton.

Kinh tế trong nước luôn đạt tốc độ tăng trưởng ổn định, môi trường đầu tư tốt, vị thế trên trường quốc tế ngày càng được củng cố. Kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt nhiều kết quả tích cực và vẫn đang trong giai đoạn mở rộng trong chu kỳ tăng trưởng. Năm 2019, tăng trưởng GDP đạt mức 7,02%. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, kinh tế vĩ mô ổn định, tiêu dùng tăng cao, lạm phát được kiểm soát.

Trong bối cảnh đó, Damsan gặp nhiều thuận lợi trong hoạt động sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi: 9 tháng đầu năm 2019 giá nguyên liệu bông ổn định với mức trung bình khoảng 1,7-1,8 USD/kg. Giá sợi tại thị trường Trung Quốc ổn định, kinh doanh sôi động, nhiều khách hàng tìm đến các sản phẩm của Công ty. Sản xuất khăn bông xuất khẩu đã xác lập mức cao tăng dần so với các năm trước bình quân từ 120 tấn - 160 tấn/tháng.

Các dự án bất động sản triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân Damsan tính đến đầu năm 2020 cơ bản hoàn thành. Các lô đất hiện Công ty đã bán 99%, tiền bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ.

Tòa nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung đã đi vào khai thác, trong đó đã có 64 căn hộ tái định cư và 130 căn hộ bán cho người thu nhập thấp. Chất lượng công trình tốt, kiến trúc cảnh quan đẹp tạo điểm nhấn cho cửa ngõ Thành phố Thái Bình.

Bên cạnh đó, Công ty cũng được hưởng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019	%
A. Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.278,35	1.360,91	6,46%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	31,40	29,46	-6,17%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	319,95	311,55	-2,63%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	506,43	624,33	23,28%
IV. Hàng tồn kho	Tỷ đồng	400,10	387,96	-3,03%
V. Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	20,47	7,61	-62,85%
B. Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	434,55	372,57	-14,26%
I. Các khoản phải thu dài hạn	Tỷ đồng	-	-	
II. Tài sản cố định	Tỷ đồng	390,68	331,06	-15,26%
III. Bất động sản đầu tư	Tỷ đồng	-	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	31,58	32,04	1,46%
V. Tài sản dài hạn khác	Tỷ đồng	11,87	9,48	-20,16%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.712,91	1.733,48	1,20%

những thuận lợi từ cơ chế chính sách: Các cơ chế chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp kinh doanh XNK vẫn được nhà nước tiếp tục duy trì. Damsan có nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu tiếp tục được thực hiện vay vốn ngoại tệ để phục vụ sản xuất kinh doanh nên công ty có điều kiện tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý, trung bình khoảng 3-3,5%/năm.

Khó khăn

Cuộc chiến thương mại Mỹ Trung nổ ra từ tháng 6/2018 đến cuối năm 2019 đã ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty. Tình hình nguyên phụ liệu biến động như giá bông có xu hướng tăng nhẹ do nhu cầu bông tăng cao tại Pakistan, Bangladesh và Việt Nam cũng gây thêm khó khăn cho toàn ngành. Giá bông nguyên liệu năm 2019 giảm hơn 10% so với năm 2018, trong khi giá sợi đang từ 3,3 USD/kg từng tháng giảm giá xuống còn 2,7 USD/kg. Giá nguyên vật liệu Công ty đã chốt trên thị trường NewYork từ tháng 7/2019 kết thúc luôn

việc giao dịch bông cho cả năm. Từ thực tế đặc thù của ngành bông sợi đã ảnh hưởng tới toàn ngành sản xuất sợi của các nước đều bị khủng hoảng và thua lỗ. Từ các nhà sản xuất của Ấn Độ, Thái Lan, Philipin, Việt Nam... kèm theo các nhà kinh doanh bông nguyên liệu cũng chung cảnh thua lỗ.

Dự án khu dân cư tổ 39-40 Quang Trung đã giải phóng được, còn lại chưa thể giải phóng được với 2 lý do: 11 hộ dân phản ánh giá đền bù 17,5tr/m² mặt đường thấp, 17 hộ dân IDI-CO thuê nhà và nhảy dù đòi cơ chế 1 đổi 1 tại chỗ nhưng nhà nước không đồng ý, dự kiến sớm nhất cũng phải chờ đến cuối năm mới giải quyết xong.

Những khó khăn kể trên làm công ty mất rất nhiều năng lực, thời gian và tiền bạc, tạo áp lực cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt công ty về sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, thị trường, khách hàng và kế hoạch cổ tức năm 2019.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2019 là 1.733,48 tỷ đồng, tăng 1,2% so với năm 2018. Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.360,91 tỷ đồng, tăng 6,46%. Tài sản dài hạn giảm 61,98 tỷ đồng tương ứng 14,26% so với năm 2018.

Tài sản ngắn hạn tăng so với năm 2018 là do các khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, và trả trước cho người bán khác tăng đột biến, đặc biệt là phải thu ngắn hạn của khách hàng, đạt mức 624,33 tỷ đồng, tăng 23,28% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, các khoản đầu trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 51,02 tỷ đồng lên đến 164,19 tỷ đồng trong khi tài sản ngắn hạn khác giảm 13,41 tỷ, tương đương 62,85%.

Tài sản dài hạn cũng có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2018 từ 434,55 tỷ xuống 372,57 tỷ, tương đương 14,26%. Sự sụt giảm này chủ yếu là do Công ty tiến hành thanh lý một phần tài sản cố định đã hết khấu hao và không có nhu cầu sử dụng.

Tình hình nợ phải trả

Năm 2019, nợ phải trả của Công ty DamSan là 1.330,37 tỷ đồng, tăng 5,51% so với năm 2018. Nợ ngắn hạn tăng 8,80% là do Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, tăng 17,39 tỷ đồng tương đương 2,64% và Phải trả ngắn hạn khác tăng 136,06 tỷ đồng tương đương với 47,39% so với năm 2018. Mục đích vay chủ yếu nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nợ dài hạn trong năm 2019 giảm từ 142,25 tỷ xuống còn 113,23 tỷ đồng, tương đương giảm 20,40% so với năm 2018. Phần lớn dư nợ dài hạn Công ty vay phục vụ mục đích xây dựng nhà máy kéo sợi Eiffel và tài trợ nhập khẩu.

Nhìn chung việc tăng nợ phải trả là một tín hiệu tốt cho thấy công ty không vay nợ để đầu tư thêm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng tính thanh khoản của công ty, giảm gánh nặng chi trả lãi vay trong thời điểm tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	2018	2019	%
I. Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	1.118,68	1.217,14	8,80%
1. Phải trả cho người bán	Tỷ đồng	150,57	91,64	-39,14%
2. Người mua trả tiền trước	Tỷ đồng	9,72	11,44	17,73%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	Tỷ đồng	1,92	3,66	90,93%
4. Phải trả người lao động	Tỷ đồng	5,07	4,30	-15,24%
5. Chi phí phải trả	Tỷ đồng	0,42	0,81	92,87%
6. Phải trả ngắn hạn khác	Tỷ đồng	287,10	423,16	47,39%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	659,71	677,10	2,64%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	4,00	5,01	25,22%
II. Nợ dài hạn	Tỷ đồng	142,25	113,24	-20,40%
1. Vay nợ thuê tài chính dài hạn	Tỷ đồng	142,25	113,24	-20,40%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	1.260,93	1.330,38	5,51%

CẢI TIẾN TRONG QUẢN LÝ

Năm nay DamSan tiếp tục áp dụng mô hình 5S vào quản lý sản xuất, đã tạo được những kết quả khả quan nhất định, hiệu suất tăng, tỷ lệ lãng phí được cắt giảm, ý thức cán bộ công nhân viên được nâng cao... Phong trào thi đua đóng góp ý tưởng sáng kiến trong quản lý sản xuất, vận hành máy móc được phát huy tối đa, nhiều sáng kiến đã được kiểm nghiệm đưa vào sử dụng thực tế, tiết kiệm chi phí sản xuất tại đơn vị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của công ty.

Tuy nhiên công ty cũng gặp một số khó khăn khi nhân sự tại các nhà máy của công ty trong năm 2019 có sự biến động khá mạnh, nhiều công nhân và nhân sự quản lý xin nghỉ việc vì các lý do riêng phù hợp khiến việc vận hành máy móc bị ảnh hưởng, năng suất máy chưa đạt yêu cầu. Ngoài ra, một số dây chuyền máy móc được đầu tư đã hết khấu hao sử dụng nay vẫn được tiếp tục vận hành khiến năng suất không cao, ảnh hưởng tới sản lượng của nhà máy, tiêu hao năng lượng, vật tư, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

Sản xuất kinh doanh sợi, khăn

Năm 2020 với năng lực sản xuất đã đầu tư, công ty chỉ đạo tất cả các nhà máy tiếp tục vận hành sản xuất hết công suất 2 nhà máy sợi cộc công suất 900 tấn/tháng, 1 nhà máy OE công suất 300 tấn/tháng. So với năm 2019, lượng sợi giảm 200 tấn/tháng. Bởi năm 2019 sản xuất sợi OE không thuận lợi, 5 máy đã hết khấu hao công ty bán thanh lý cho nước ngoài thu về USD350.000. Hiện phía người mua đã thanh toán tiền đủ.

Về khăn bông năm 2020 Công ty sẽ nâng công suất lên so với năm 2019 khoảng 300 tấn nhằm phục vụ tối đa cho nhu cầu của khách hàng.

Bất động sản

Để tiếp tục đà phát triển của ngành hàng bất động sản công ty tập trung chỉ đạo:

- Hoàn thiện việc đầu tư khu đô thị Phú Xuân DamSan để sớm bàn giao hạ tầng cho thành phố Thái Bình.
- Bàn giao giai đoạn 1 tòa nhà XH cho người thu nhập thấp tại tổ 39-40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình.
- Tập trung giải phóng mặt bằng 2 khu dân cư tổ

39-40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và HTX Hữu Nghị Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình. Mục tiêu xong trong năm 2020.

- Tập trung quyết toán dự án nhà BT và các khu đất đối ứng nhà nước trả nhà đầu tư để tính toán đối trừ với UBND thành phố Thái Bình.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Tài sản công ty tuy lớn nhưng vốn điều lệ còn rất khiêm tốn, công ty vừa đầu tư sản xuất kinh doanh ngành dệt may vừa đầu tư mở rộng, trong đó bất động sản cần vốn rất lớn. Hiện mức vay ngân hàng của Công ty khá cao gấp 2 lần vốn hiện có. Thực tế tính toán việc vay vốn sẽ rẻ hơn là nâng vốn điều lệ. Để chuẩn bị cho đầu tư công ty đưa ra kế hoạch phát hành trái phiếu phục vụ cho nhu cầu đầu tư tại cụm nông nghiệp An Ninh là 200 tỷ đồng, số lượng trái phiếu là 2.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu thời hạn là 5 năm tính từ ngày phát hành. Lãi suất trái phiếu theo thỏa thuận giữa công ty với đối tác có nhu cầu.

GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH

Nhằm tối đa hóa lợi nhuận năm 2020, Ban Điều hành công ty đã có kế hoạch và các biện pháp giải pháp thực hiện các mục tiêu đề ra ngay từ đầu năm, cụ thể:

- Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của các nhà máy sợi, máy dệt, xưởng khăn, đảm bảo chất lượng tốt nhất và chi phí giảm tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.
- Theo dõi thị trường để có những điều chỉnh về giá cả, kế hoạch vật tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Đẩy mạnh bán hàng tại khu đô thị Phú Xuân
- DamSan, phấn đấu năm 2020 thu được 100% tổng toàn bộ giá trị dự án.
- Bám sát các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô

Đánh giá tình hình kinh tế ngành

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế thế giới trong năm 2019 được dự báo sẽ giảm tốc nhưng Việt Nam vẫn có khả năng giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao so với các quốc gia trong khu vực. Trong năm 2019, GDP của Việt Nam tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao trong vòng 10 năm trở lại đây, và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Xét về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,8% - mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua. Theo dự báo của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), tỷ lệ lạm phát sẽ tăng lên ở mức 3,5% vào năm 2020, tương đương với mức kế hoạch của chính phủ.

Theo báo cáo tổng kết của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VISTA), kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam năm 2019 ước đạt 39 tỷ USD (+9,5% yoy), thấp hơn 1 tỷ USD so với mục tiêu đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các tác động tiêu cực của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến nhu cầu dệt may toàn cầu, trong khi đó, Hiệp định thương mại tự do CPTPP (có hiệu lực từ 14/1/2019) được kỳ vọng là động lực thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu nhưng vẫn chưa mang lại những kết quả tích cực.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ NGÀNH

Dệt may của Việt Nam là một ngành phát triển tương đối tốt mặc dù một vài năm trước gặp một số khó khăn nhất định. Tuy nhiên trong năm 2019 ngành dệt may đã có những bước phát triển vượt bậc của ngành dệt may Việt Nam, Việt Nam đã vươn lên là một trong năm nước sản xuất và xuất khẩu dệt may lớn nhất trên thế giới. Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2019 ngành dệt may đã có những bước tăng trưởng nhanh chóng so với cùng kỳ năm 2018. Không những thế việc ký kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (EVGTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trong năm 2019 là cơ hội để giúp cho ngành dệt may Việt Nam có thể mở rộng thị trường ra các nước trên thế giới. Hiện nay Mỹ đang là nước nhập khẩu sản phẩm dệt may lớn nhất tại thị trường dệt may Việt Nam.



Ngoài thị phần lớn ở Mỹ, các doanh nghiệp Việt Nam còn xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc. Không những thế doanh nghiệp dệt may Việt Nam còn xuất khẩu sang các thị trường mới khác như Trung Quốc, Nga và Campuchia tạo thêm kim ngạch cho ngành dệt may đồng thời tạo điều kiện cho ngành dệt may Việt Nam phát triển mạnh hơn.

Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) cho biết, năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may, xơ sợi... ước tính đạt 36,1 tỷ USD, tăng 16,01% so với năm trước. VITAS nhận định từ đầu năm đến nay, các thị trường trọng điểm như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) vẫn đạt tốc độ tăng trưởng tốt và các thị trường như Hàn Quốc, Trung Quốc... cũng tăng trưởng mạnh, vượt trội so với tốc độ tăng trưởng cùng kỳ.

Cùng với đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung được xem là cơ hội lớn cho ngành dệt may với các mặt hàng bứt phá mạnh là áo thun, quần, áo jacket, váy, vest Có thể thấy động lực cho sự tăng trưởng của ngành dệt may một phần đến từ sự tích cực trong hoạt động xuất khẩu. Theo thống kê, dệt may hiện là mặt hàng xuất khẩu đứng thứ hai, chỉ sau xuất khẩu điện thoại và linh kiện. Bên cạnh đó, diễn biến tỷ giá cũng đang có lợi cho doanh nghiệp dệt may. Nguyên nhân, tỷ VND/USD đã tăng mạnh trong năm 2019 và tiếp tục neo ở mức cao. Nhập khẩu nguyên liệu bằng các ngoại tệ khác (chủ yếu là nhân dân tệ) đang giảm giá so với USD, trong khi xuất khẩu thu về bằng USD.

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu trên thì ngành vẫn đang đứng trước nhiều thách thức lớn do nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. Mức cung dệt may trên toàn thế giới chỉ tăng 1-2% và có thể là giữ nguyên không thay đổi. Ngoài ra ngành dệt may trên thị trường đối diện với sự cạnh tranh hết sức gay gắt. Trong khi Campuchia và Myanmar chỉ phải chịu mức thuế 0% đối với hàng dệt may thì Việt Nam phải chịu một mức thuế tương đối cao là 17,5% đối với thị trường Mỹ và 9,6% đối với thị trường EU. Đó cũng là một trong những thách thức lớn của thị trường dệt may Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Về quy mô tổng tài sản của công ty, năm 2019 giá trị tổng tài sản của công ty đạt mức 1.733,48 tỷ đồng, tăng 20,58 tỷ đồng, tương đương với 1,20% so với năm 2018. Doanh thu của công ty đạt 1,705 tỷ đồng, giảm 134 tỷ đồng so với năm trước, tương đương giảm 7.30%. Trong đó, doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh sợi, khăn chiếm hơn 1.312,30 tỷ đồng. Doanh thu từ mảng bất động sản trong năm đạt 190,43 tỷ đồng, tăng 29,50%.

“Doanh thu đạt 1.705 tỷ đồng, giảm 134 tỷ đồng so với năm trước”

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

Mặc dù kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra trong năm 2019 chưa đạt song Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực trong các công tác triển khai các hoạt động quản trị điều hành. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.712.905.000.000	1.582.634.000.000	-7,61%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.839.106.190.634	1.704.928.962.788	-7,30%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	53.921.680.991	9.039.422.387	-83,24%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-34.071.577.398	-16.804.226.565	-50,68%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng			
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61.508.489.620	11.623.370.607	-81,10%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56.440.342.614	9.475.413.711	-83,21%

Trong năm 2019, HĐQT công ty CP DamSan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

- Định kỳ đại diện BKS báo cáo tại các cuộc họp HĐQT: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó HĐQT và BKS đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn.

- Định kỳ nghe các Giám đốc/ điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp HĐQT, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, nhận định tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT để Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty Cổ phần DamSan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Định hướng thực hiện:

- Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

- Về nhân sự: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng

- Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tinh năng tự động hóa cao.

- Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành quy chế, quy định rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.



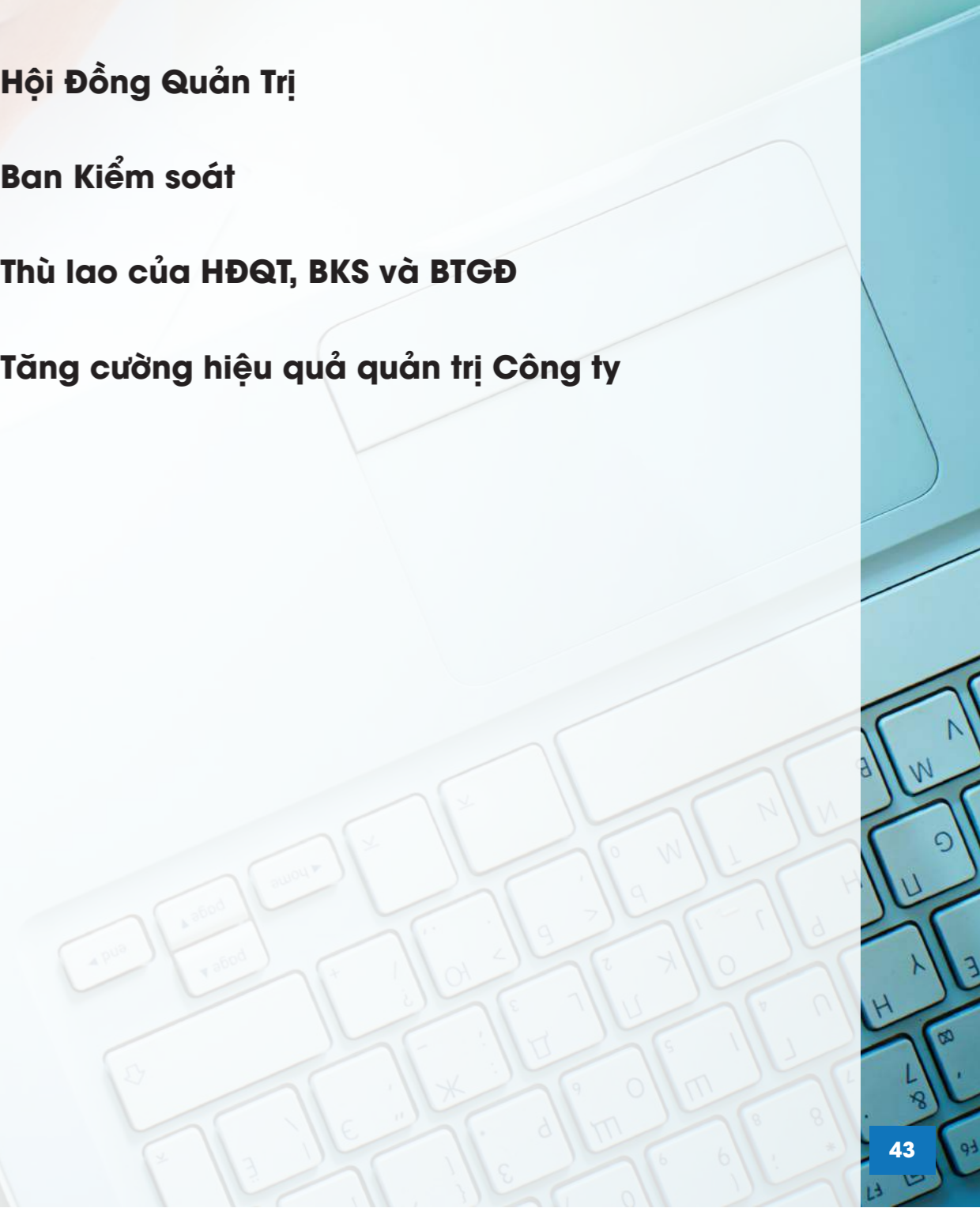
05 BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm soát

Thù lao của HĐQT, BKS và BTGD

Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty



STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	4.308.730	16,89%
2	Ông Vũ Huy Đức	TV HĐQT	1.368.000	5,36%
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT	1.270.666	4,98%
4	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT	945.000	3,70%
5	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	420.000	1,65%
6	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	-	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của HĐQT

Năm 2019, HĐQT của Công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông

- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và nghị quyết ĐHCĐ

- HĐQT định hướng và giám sát triển khai các dự án quan trọng của công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	7	100%	
2	Ông Vũ Huy Đức	TV HĐQT	7	100%	
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT	7	100%	
4	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT	7	100%	
5	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	7	100%	
6	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	4		Thành viên HĐQT mới tham gia từ 20/04/2019

Các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	15012019/NQ-HĐQT	15/01/2019	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và giao dịch với các bên liên quan
2	2202/2019-NQ/HĐQT	22/02/2019	Về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019
3	1004/2019-NQ/HĐQT	10/4/2019	Quyết định về việc thông qua phương án vay đầu tư xây dựng "Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình".
4	0605/2019-NQ/HĐQT	6/5/2019	Quyết định trả cổ tức năm 2018
5	01072019/NQ-HĐQT	1/7/2019	Quyết định về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện dệt may Việt Nam
6	01/082019/NQ-HĐQT	1/8/2019	Quyết định về việc thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng đầu năm và kiểm toán BCTC năm 2019 của công ty
7	28122019/NQ-HĐQT	28/12/2019	Quyết định về việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể của dự án cụm CN An Ninh và kế hoạch nghỉ ngơi và thưởng tết Nguyên đán Canh Tý

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	3.150	0,01%
2	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	-	0,00%
3	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	184.827	0,72%

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của BKS

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, BKS đã triển khai những công việc sau:

- Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.

- Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực

hiện các kế hoạch của Công ty năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.

- Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng Quy chế, Quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.

- Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.

- Năm 2019 lựa chọn Công ty Kiểm toán là Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam

AVA theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Thẩm định báo cáo Tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo (Quý, sáu tháng, và một năm) của Công ty.

- Cử Trưởng BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

Đánh giá của BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và BGD

Với HĐQT

Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Trưởng BKS tham dự và triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.

Việc tổ chức điều hành chiến lược phát triển SXKD của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua. Phương án đầu tư và Dự án đầu tư cơ bản thực hiện đúng quy trình đầu tư với Điều lệ Công ty, đáp ứng chỉ đạo kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp về thị trường, triển khai thực hiện đảm bảo tính nguyên tắc và hiệu quả.

Với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Nhìn chung năm 2019 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2019 BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.



GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD
Thù lao của HĐQT, BKS, và Ban Tổng Giám Đốc

	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (VND)
HĐQT	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	10.000.000
	Ông Vũ Huy Đức	TV HĐQT	7.000.000
	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT	7.000.000
	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT	7.000.000
	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	7.000.000
	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	7.000.000
	Tổng		45.000.000
BKS	Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng BKS	3.000.000
	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	2.000.000
	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	2.000.000
	Tổng		7.000.000

Giao dịch hợp đồng của công ty với người liên quan

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ với công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Sợi EIFFEL	Công ty con	1001067263	Lô 159/14 KCN Gia Lễ, X. Đông Xuân, H. Đông Hưng, Thái Bình	12 tháng năm 2019	Mua bán hàng hóa: Doanh thu: 265 tỷ Mua hàng: 593,5 tỷ Cổ tức: 25,2 tỷ
2	Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	Bà Vũ Phương Diệp Phó tổng giám đốc làm giám đốc	1000781468	Số 56, đường Trần Hưng Đạo, tổ 20B, P. Lê Hồng Phong, Thái Bình	12 tháng năm 2019	Mua bán hàng hóa: -Doanh thu: 726,5 tỷ -Mua hàng: 781,1 tỷ -Cổ tức: 2 tỷ
3	Công ty TNHH Đông Phong	Ông Vũ Huy Đức, thành viên HĐQT làm giám đốc	1000213754	Lô DS, KCN Nguyễn Đức Cảnh, P. Trần Hưng Đạo, Thái Bình	12 tháng năm 2019	Mua bán hàng hóa: -Doanh thu: 15,6 tỷ -Mua hàng: 65,4 tỷ



Giao dịch cổ phiếu của Người Nội Bộ và Người Liên Quan đến Người Nội Bộ

Trong năm công ty không có giao dịch cổ phiếu phát sinh với người nội bộ và người liên quan đến người nội bộ

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức ĐHĐCĐ
- Xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2017, Nghị định 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty địa chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty

Tiêu chí Quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Kế hoạch đào tạo, học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGD lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/HSX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh
Quản trị tài chính-kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính - kế toán



06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ nước

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

**Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với
cộng đồng địa phương**

NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi và khăn. Chi phí nguyên vật liệu trên số liệu báo cáo Công ty mẹ chiếm khoảng 45% chi phí giá vốn bán hàng và 44% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm công ty là bông nguyên liệu hay còn gọi là bông xo. Bông được Công ty nhập từ thị trường Mỹ, Châu Phi, Pakistan, Ấn Độ, Singapore... Nguyên liệu sản xuất khăn của công ty bao gồm các loại sợi OE, sợi cộc, sợi xe do công ty tự sản xuất. Nhu cầu bông nguyên liệu nhập khẩu hàng tháng cho hai nhà máy Damsan I và II khoảng 700 tấn/tháng. Khối lượng bông bán ở thị trường nội địa trung bình khoảng 100 tấn/tháng. Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới.

Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách,... Luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, vì vậy Công ty không ngừng tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới. Đồng thời trong quá trình sản xuất, Công ty cố gắng hạn chế tối đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm làm giảm sự lãng phí nguồn nguyên vật liệu khi dự đoán giá nguyên vật liệu tăng để hạn chế những rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất doanh nghiệp.

TIÊU THỤ NƯỚC

Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một số lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu môi trường xung quanh.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn thanh, kiểm tra Môi trường thường đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường. Công ty cũng không bị xử phạt hành chính về việc vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động

Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do ĐHĐCĐ quy định. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật

lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được chia sẻ mới có thể là thành công bền vững.

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà công ty cổ phần Damsan đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn. Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.



07 BẢO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Vũ Huy Đức	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Huy Đông	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 22/04/2019)
Bà Vũ Thùy Linh	Trưởng ban	(miễn nhiệm ngày 22/04/2019)
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 302/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần DamSan (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DamSan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DamSan cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 06/04/2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.360.911.239.590	1.278.355.904.999
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.459.908.057	31.396.650.126
1. Tiền	111		29.151.908.057	29.096.559.715
2. Các khoản tương đương tiền	112		308.000.000	2.300.090.411
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	311.552.624.757	319.952.749.369
1. Chứng khoán kinh doanh	121		12.690.000.000	4.190.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		298.862.624.757	315.762.749.369
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		624.331.410.145	506.430.182.003
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	271.429.110.055	215.518.780.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	164.190.434.793	113.175.022.817
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	62.534.268.061	67.878.793.683
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	137.009.562.369	119.450.505.803
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.831.965.133)	(9.592.920.412)
IV. Hàng tồn kho	140	12	387.962.001.237	400.102.945.667
1. Hàng tồn kho	141		387.962.001.237	400.102.945.667
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.605.295.394	20.473.377.834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	363.422.245	389.142.030
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.645.679.452	19.208.408.697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	596.193.697	875.827.107
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.572.258.812	434.552.277.188
II. Tài sản cố định	220		331.058.390.646	390.681.837.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	329.951.606.895	389.478.788.163
- Nguyên giá	222		705.490.322.453	727.266.620.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(375.538.715.558)	(337.787.832.488)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.106.783.751	1.203.049.071
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.178.522.624)	(1.082.257.304)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	424.565.305
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	424.565.305
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	32.036.844.347	31.575.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.036.844.347	31.575.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.477.023.819	11.870.874.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	9.370.357.153	11.705.537.236
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		106.666.666	165.337.413
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.733.483.498.402	1.712.908.182.187

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.330.375.327.500	1.260.931.695.544
I. Nợ ngắn hạn	310		1.217.138.419.909	1.118.680.174.347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	91.642.692.990	150.568.483.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.443.008.412	9.720.569.970
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.662.179.003	1.917.522.294
4. Phải trả người lao động	314		4.297.672.732	5.071.305.573
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	812.396.903	420.804.166
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	176.396.614
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	423.164.198.401	287.096.774.940
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	677.102.527.715	659.705.062.666
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.013.743.753	4.003.254.316
II. Nợ dài hạn	330		113.236.907.591	142.251.521.197
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	113.236.907.591	142.251.521.197
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		403.108.170.902	451.976.486.643
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	403.108.170.902	451.976.486.643
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.178.010.000	255.178.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.178.010.000	255.178.010.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.283.587.273	60.283.587.273
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.174.889.750	8.659.155.594
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.960.265.171	82.675.917.352
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		29.114.091.759	32.151.445.496
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.846.173.412	50.524.471.856
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.217.394.432	42.885.792.148
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.733.483.498.402	1.712.908.182.187


Lê Xuân Chiên
Người lập


Lê Xuân Chiên
Kế toán trưởng




Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1,705,142,316,528	1,839,442,890,839
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	336,700,205
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,705,142,316,528	1,839,106,190,634
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1,648,339,046,507	1,709,214,196,484
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		56,803,270,021	129,891,994,150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31,607,554,133	28,438,178,916
7. Chi phí tài chính	22	26	48,894,397,607	62,509,756,314
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42,354,564,073	41,563,073,169
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		461,844,347	-
9. Chi phí bán hàng	25	27	11,480,293,586	11,125,290,346
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21,479,254,192	30,773,445,415
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		7,018,723,116	53,921,680,991
12. Thu nhập khác	31	29	3,576,125,740	8,331,580,952
13. Chi phí khác	32	30	957,383,031	744,772,323
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,618,742,709	7,586,808,629
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,637,465,825	61,508,489,620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1,296,465,957	4,838,665,676
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		58,670,748	229,481,330
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8,282,329,120	56,440,342,614
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7,846,173,412	50,524,471,856
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		436,155,708	5,915,870,758
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32		1,940



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Lê Xuân Chiến
Người lập

Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.637.465.825	61.508.489.620
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		59.676.578.052	61.574.671.519
- Các khoản dự phòng	03		1.239.044.721	1.546.036.341
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.115.402.191	3.860.122.453
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.416.399.019)	(27.630.352.381)
- Chi phí lãi vay	06		42.354.564.073	41.563.073.169
13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83.606.655.843	142.422.040.721
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(112.597.126.990)	(168.281.664.680)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.140.944.430	(106.195.542.489)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		82.513.760.028	125.527.411.030
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.360.899.868	(920.754.878)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(8.500.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.958.556.518)	(41.684.898.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.276.278.212)	(7.419.436.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.290.298.449	(56.552.845.038)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.837.597.224)	(7.699.924.929)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.598.005.740	14.398.983.096
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(104.307.631.121)	(316.614.831.034)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		126.552.281.355	260.033.050.814
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(31.575.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.578.941.904	31.037.197.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.584.000.654	(50.420.524.339)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.989.934.639.398	2.232.372.915.704
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.002.666.164.925)	(2.211.915.564.094)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	(2.144.218.184)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58.078.490.424)	(52.135.552.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(70.810.015.951)	(33.822.418.574)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(1.935.716.848)	(140.795.787.951)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.396.650.126	172.247.764.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.025.221)	(55.326.006)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>29.459.908.057</u>	<u>31.396.650.126</u>

Lê Xuân Chiến
Người lập

Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damsan được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 255.178.010.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 255.178.010.000 đồng; tương đương 25.517.801 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: bán buôn sợi dệt; bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty có các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sợi Eiffel	Thái Bình	80,00%	80,00%	Dệt sợi
Tên công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất sợi

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ hăng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 07 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

51
VI
N
A
T
H

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ưu đãi thuế:

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan II được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Năm 2019 là năm thứ 13 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 09 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	528.208.242	146.071.391
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.623.699.815	28.950.488.324
Các khoản tương đương tiền	308.000.000	2.300.090.411
	29.459.908.057	31.396.650.126

Tại 31/12/2019, Khoản tương đương tiền là số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình có kỳ hạn 02 tháng, số tiền là 223.000.000 đồng, lãi suất 5%/năm.; tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 85.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	298.862.624.757	298.862.624.757	315.762.749.369	315.762.749.369
Tiền gửi có kỳ hạn	298.862.624.757	298.862.624.757	315.762.749.369	315.762.749.369
	298.862.624.757	298.862.624.757	315.762.749.369	315.762.749.369

Ngân hàng	Kỳ hạn(Tháng)	Lãi suất năm(%)	Số tiền tại 31/12/2019
-----------	---------------	-----------------	---------------------------

Ngân hàng NNo&PTNTVN - CN Tây đô	12-13 tháng	6,8%	27.734.989.500
Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN Thái Bình	12 tháng	7,3%	40.000.000.000
Ngân hàng HD Bank - CN Ba Đình	12 tháng	7,2%-7,3%	22.683.917.808
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	6-12 tháng	6,6%-7,2%	28.707.567.928
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thái Bình	12 tháng	7,0%	1.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	13 tháng	7,6%	20.000.833.333
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thái Bình	12-13 tháng	6,4%	20.284.204.110
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	12-13 tháng	6,5%-6,8%	71.817.112.078
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	12 tháng	7,0%-7,1%	9.600.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Thái Bình	12 tháng	7,0%-7,2%	27.200.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	12 tháng	7,3%	800.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	12 tháng	8,5%	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP VP bank - Sở giao dịch	12 tháng	6,8%-7,7%	4.934.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	12 tháng	6,8%-7,3%	14.100.000.000

Tổng cộng **298.862.624.757**

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

c thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chứng khoán, kinh doanh

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị trái phiếu	12.690.000.000	12.690.000.000	-	4.190.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP BIDV	7.690.000.000	7.690.000.000	-	4.190.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Vietinbank	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	12.690.000.000	12.690.000.000	-	4.190.000.000

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 419 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu; Ngày phát hành: 19/12/2018, kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất: 8,1%/năm.
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 200 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu; Ngày phát hành: 26/9/2019, kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất: 8,1%/năm.
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành: số lượng trái phiếu: 150 trái phiếu, mệnh giá: 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là: 07 năm. Lãi suất áp dụng cho năm 2019 là 8,1%/năm.
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 500 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu; Ngày phát hành: 27/9/2019, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất: 8%/năm.

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

c thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	32.036.844.347	32.036.844.347	-	31.575.000.000
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	32.036.844.347	32.036.844.347	-	31.575.000.000
	32.036.844.347	32.036.844.347	-	31.575.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thị trấn Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	44.929.891.918	42.404.327.029
Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,Ltd	22.984.002	14.069.772.332
China Ctexic Corporation	-	9.217.417.422
Anhui Huamao Im&Ex Co.ltd	17.712.368.870	-
XIAMEN ITG GROUP CORP.,LTD	1.139.154.119	2.765.801.498
Ya Mai Chi Co.,Ltd	3.178.966.463	4.111.189.987
Nantong Co-op textile Exchange Eo.,Ltd	5.792.830.321	-
Jiangsu Lianfa Textile Material Co., LTD	8.287.704.000	-
Khách hàng khác	8.795.884.143	12.240.145.790
Phải thu khách hàng trong nước	14.416.881.677	32.766.592.894
Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	3.940.575.631	3.494.336.304
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	-	8.196.790.091
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Artex	4.240.769.264	4.240.769.264
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	-	2.434.615.607
Khách hàng khác	6.235.536.782	14.400.081.628
Phải thu khách hàng mua bất động sản	212.082.336.460	140.347.860.189
	271.429.110.055	215.518.780.112
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	-	8.196.790.091

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	137.256.244.053	-	84.739.011.399	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	-	-	10.077.361.494	-
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	2.167.840.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Artex	3.077.709.917	-	-	-
Trii Union Management Co.,Ltd	668.185.222	-	2.408.863.033	-
Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	5.082.026.375	-	-	-
Trả trước khác	15.938.429.226	8.586.499.611	15.949.786.891	8.025.020.914
	164.190.434.793	8.586.499.611	113.175.022.817	8.025.020.914

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	51.658.416.182	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	30.529.005.851	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	21.129.410.331	21.129.410.331
Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	8.407.370.232	4.149.541.428
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	6.630.104.504	2.372.275.700
Ông Hoàng Minh Tiến	-	5.000.000.000
Các khoản cho vay ngắn hạn khác	2.468.481.647	7.025.981.647
	62.534.268.061	67.878.793.683

(i) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.

(ii) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bồ Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.

10 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.705.106.680	-	15.718.468.587	-
Tạm ứng	24.406.004.888	-	10.980.668.571	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.965.814.000	-
BQL các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	632.207.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất TP Thái Bình (i)	7.071.411.542	-	7.026.557.116	-
UBND tỉnh Thái Bình (ii)	3.490.611.275	-	3.490.611.275	-
Sở Tài chính tỉnh Thái Bình (iii)	76.041.312.586	-	76.041.312.586	-
Phải thu khác	9.253.919.398	-	3.594.866.668	-
	137.009.562.369	-	119.450.505.803	-

(i) Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

(ii) Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.

(iii) Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi
Ghulam Rabbani and Co
Sofeene enterprises
LGW Limited
Saurashtra cotton & Agro Products pvt., Ltd
Đối tượng khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
	12.920.498.436	2.088.533.303	10.668.032.402	1.075.111.990
	833.194.874	-	833.194.874	-
	761.021.813	-	761.021.813	-
	545.706.638	-	545.706.638	-
	403.703.253	-	403.703.253	-
	10.374.871.858	2.088.533.303	8.122.405.824	1.075.111.990
	12.920.498.436	2.088.533.303	10.668.032.402	1.075.111.990

. HÀNG TỒN KHO

Nguyên liệu, vật liệu
 Công cụ, dụng cụ
 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)
 Thành phẩm
 Hàng hoá
 Hàng gửi đi bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	47.925.704.486	-	176.459.325.587	-
	10.068.116.574	-	7.455.497.187	-
	283.883.435.473	-	187.589.666.991	-
	44.888.956.449	-	27.299.386.307	-
	1.086.582.376	-	1.189.863.716	-
	109.205.879	-	109.205.879	-
	387.962.001.237	-	400.102.945.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình	134.996.696.705	-	77.745.135.661	-
Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang Trung	61.833.705.428	-	64.403.262.857	-
Dự án Bò Xuyên	1.245.092.727	-	310.913.727	-
Dự án Lê Hồng Phong	944.050.807	-	1.604.050.807	-
Dự án KCN An Ninh	53.838.232.739	-	451.489.802	-
Dự án VP Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	15.642.224.654	-
Sản phẩm dở dang	14.824.380.527	-	27.432.589.483	-
	283.883.435.473	-	187.589.666.991	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá
Tại ngày 01/01/2019
Mua sắm
Thanh lý, nhượng bán
Tại ngày 31/12/2019
Giá trị hao mòn lũy kế
Tại ngày 01/01/2019
Trích khấu hao
Thanh lý, nhượng bán
Tại ngày 31/12/2019
Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2019
Tại ngày 31/12/2019

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	124.826.731.693	588.778.706.042	13.110.312.279	550.870.637	727.266.62	2.800.31	(24.576.616)	705.490.32
	-	2.438.590.909	361.727.273	-	-	-	-	-
	-	(24.576.616.380)	-	-	-	-	-	-
	124.826.731.693	566.640.680.571	13.472.039.552	550.870.637	705.490.32	2.800.31	(24.576.616)	705.490.32
	37.405.254.045	294.758.612.000	5.141.887.272	482.079.171	337.787.83	59.580.31	(21.829.429)	375.538.71
	7.147.520.452	51.233.172.445	1.168.620.789	30.999.046	59.580.31	59.580.31	(21.829.429)	375.538.71
	-	(21.829.429.662)	-	-	-	-	-	-
	44.552.774.497	324.162.354.783	6.310.508.061	513.078.217	375.538.71	119.160.641	(43.655.845)	375.538.71
	87.421.477.648	294.020.094.042	7.968.425.007	68.791.466	389.478.78	59.580.31	(21.829.429)	375.538.71
	80.273.957.196	242.478.325.788	7.161.531.491	37.792.420	329.951.60	59.580.31	(21.829.429)	375.538.71

Trong đó:
 * Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 311.221.928.238 đồng.
 * Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 151.779.459.782 đồng.

Báo cáo tài chính hợp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12

MÃ SỐ SỔ B C

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Tại ngày 31/12/2019	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	722.257.304	360.000.000	1.082.257.304
Trích khấu hao	96.265.320	-	96.265.320
Tại ngày 31/12/2019	818.522.624	360.000.000	1.178.522.624
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	1.203.049.071	-	1.203.049.071
Tại ngày 31/12/2019	1.106.783.751	-	1.106.783.751

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	363.422.245	389.142.030
	363.422.245	389.142.030
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.751.384.768	9.939.991.521
Chi phí trả trước dài hạn khác	618.972.385	1.765.545.715
	9.370.357.153	11.705.537.236

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh				
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>				
Công ty CP Đức Quân	-	-	6.400.664.403	6.400.664.403
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	13.271.757.898	13.271.757.898	13.164.521.580	13.164.521.580
Công ty TNHH Đông Phong	2.793.325.617	2.793.325.617	4.231.688.927	4.231.688.927
Công ty CP Sợi Trà Lý	169.088.070	169.088.070	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	32.534.988.070	32.534.988.070	-	-
Phải trả người bán khác	17.537.203.002	17.537.203.002	15.844.711.051	15.844.711.051
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>				
RCMA Asia Pte Ltd	-	-	12.160.989.086	12.160.989.086
Uday cotton industries	16.042.950.153	16.042.950.153	700.276.448	700.276.448
Textile enterprises limited	964.046.221	964.046.221	965.880.353	965.880.353
Phải trả người bán khác	1.543.172.664	1.543.172.664	833.044.531	833.044.531
Phải trả cho nhà thầu xây lắp				
Công ty CP Xây dựng GM	1.219.673.895	1.219.673.895	63.059.209.017	63.059.209.017
Công ty CP Công nghệ xây dựng Hà Việt	-	-	22.437.973.625	22.437.973.625
Công ty CP Xây dựng số 2	5.566.487.400	5.566.487.400	5.566.487.400	5.566.487.400
Phải trả người bán khác	-	-	5.203.037.387	5.203.037.387
	91.642.692.990	91.642.692.990	150.568.483.808	150.568.483.808

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Các khoản phải thu

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế XN, NK	544.294.281	231.732.395	233.151.933	545.713.819
Thuế TNCN	21.369.607	192.506.391	199.075.407	27.938.623
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	310.163.219	410.694.388	123.072.424	22.541.255
	875.827.107	834.933.174	555.299.764	596.193.697

b) Các khoản phải nộp

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	112.026.769.090	109.360.735.030	2.666.034.060
Thuế TNDN	1.893.474.619	1.296.465.957	2.217.607.464	972.333.112
Thuế TNCN	24.047.675	2.557.470.998	2.557.706.842	23.811.831
Thuế bảo vệ môi trường	-	10.000	10.000	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	1.917.522.294	115.886.716.045	114.142.059.336	3.662.179.003

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	812.396.903	416.389.348
Chi phí phải trả khác	-	4.414.818
	812.396.903	420.804.166

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	638.767.456	370.276.380
Bảo hiểm xã hội	24.474.621	41.326.831
Bảo hiểm y tế	94.766.406	4.794.330
Bảo hiểm thất nghiệp	8.981.230	3.774.749
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	984.250.000	2.922.585.000
Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân	255.375.496.620	107.922.000.000
Phí bảo trì tòa nhà	3.683.198.103	4.186.952.279
Thu tiền ứng vốn dự án	153.862.923.778	169.518.775.688
Phải trả trung tâm phát triển quỹ đất Tiên Hải	5.913.116.000	-
Phải trả khác	2.578.224.187	2.126.289.683
	423.164.198.401	287.096.774.940

Phả trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 08/11/2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr-STC do Sở Tài chính gửi UBND tỉnh Thái Bình ngày 16/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	642.878.754.586	642.878.754.586	1.991.054.676.783	1.970.417.089.986	663.516.341.383	663.516.341.383
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	16.826.308.080	16.826.308.080	34.379.263.043	37.619.384.791	13.586.186.332	13.586.186.332
	659.705.062.666	659.705.062.666	2.025.433.939.826	2.008.036.474.777	677.102.527.715	677.102.527.715
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	142.251.521.197	142.251.521.197	520.750.252	29.535.363.858	113.236.907.591	113.236.907.591
	142.251.521.197	142.251.521.197	520.750.252	29.535.363.858	113.236.907.591	113.236.907.591

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Vay ngắn hạn	Loại tiền	31/12/2019	01/10
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	VND	72.840.342.691	129.431.212
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	USD	53.150.580.000	45.925.111
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	VND	29.631.952.640	86.665.011
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	USD	50.223.260.000	13.200.311
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình	VND	-	8.936.511
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình	USD	17.139.203.300	21.300.011
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	VND	54.452.683.752	32.890.011
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	USD	17.751.540.000	34.216.611
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Thái Bình	USD	11.976.360.000	
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	USD	57.585.600.000	
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội	USD	22.291.200.000	23.646.711
Ngân hàng TNHH INDOVINA	USD	98.709.809.000	102.784.711
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội	USD	9.067.500.000	28.118.011
Ngân hàng TMCP Đại Chung VN - CN Thái Bình	USD	73.111.500.000	51.128.011
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình	USD	42.388.110.000	64.636.111
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình	USD	53.196.700.000	
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	USD	7.863.355.000	12.549.611
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	USD	5.722.831.332	4.276.711
		677.102.527.715	659.705.061

32

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**

Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 05

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức đảm tiền
1	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-201901317 ngày 17 tháng 12 năm 2019	200.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng lần giải ngân	125.990.922.691	Khoản vay được bảo bằng tài
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2127123/HĐTD ngày 04 tháng 09 năm 2018, Phụ lục gia hạn số 01/2019/2127123/HĐTD Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/7217771/HĐTD ngày 22/10/2019	90.000.000.000 100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 05 tháng 09 năm 2020 Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 09 năm 2020	14.270.000.000 15.361.952.640	Khoản vay được bảo bằng tài
3	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019/2127123/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2019	90.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 09 năm 2020	50.223.260.000	Khoản vay được bảo bằng tài
	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình Hợp đồng cho vay hạn mức số 21/2018- HĐCVHM/NHCT360- DAMSAN ngày 26 tháng 11 năm 2018	80.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2019	17.139.203.300	Khoản vay được bảo bằng tài

33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 05

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức đảm tiền
4	Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng hạn mức số 8995.19.755.1155640.TD ngày 29 tháng 03 năm 2019	150.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 18 tháng 03 năm 2020	72.204.223.752	Khoản vay được bảo bằng tài
5	Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội Hợp đồng tín dụng số 11004/19MB/HETD ngày 09 tháng 10 năm 2019	50.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	22.291.200.000	Khoản vay được bảo bằng tài
6	Ngân hàng TNHH INDOVINA Hợp đồng tín dụng số 2015/TVB - HETD/2019 ký ngày 01 tháng 03 năm 2019	4.000.000.000USD	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	98.709.809.000	Khoản vay được bảo bằng tài
7	Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội Hợp đồng tín dụng số 0456/2019/HETD-OCB-DN ký ngày 15 tháng 11 năm 2019	9.120.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	9.067.500.000	Khoản vay được bảo bằng tài
8	Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 16/2018/HEHM/PVB- CNTB ngày 15 tháng 11 năm 2018	100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	54.543.500.000	Khoản vay được bảo bằng tài

34

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 05

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức đảm tiền
8	Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HETD/PVBTB- DAMSAN ngày 10 tháng 12 năm 2019	100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	18.568.000.000	Khoản vay được bảo bằng tài
9	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 296/2018/HEHM- PN/SHB.112600 ngày 20 tháng 07 năm 2018	80.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	42.388.110.000	Khoản vay được bảo bằng tài
10	Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 099/2019/HETD - BacABank.140 ký ngày 25 tháng 11 năm 2019	21.350.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bông sợi các loại, xây dựng dân dụng	Thời hạn cấp tín là được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ	21.362.400.000	Khoản vay được bảo bằng tài
	Hợp đồng tín dụng số 088/ 2019/HETD - BacABank.140 ký ngày 29 tháng 10 năm 2019	24.350.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Đề bổ sung vốn mở LC nhập khẩu Bông	Thời hạn cấp tín là được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ	24.381.000.000	Khoản vay được bảo bằng tài
	Hợp đồng tín dụng số 046/ 2019/HETD - BacABank.140 ký ngày 17 tháng 06 năm 2019	12.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh bông sợi đầu tiên	09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	11.842.200.000	Khoản vay được bảo bằng tài

35

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 0:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức đảm tiền
11	Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 195.HDDTD2.009.19 ký ngày 23 tháng 04 năm 2019	160.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khé ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi,	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	53.196.700.000	Tài sản hình thái vô
12	Ngân hàng TMCP An Bình - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 2790/19/TD-TT/XXXI ký ngày 23 tháng 07 năm 2019	60.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khé ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng bông, sợi,	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 23/07/2020	11.976.360.000	Tài sản hình thái vô
Tổng cộng							663.516.341.383

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức đảm tiền
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 3422.16.755.1155640.TD ký ngày 29 tháng 01 năm 2016	53.000.000.000	Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của Khách hàng với MB,	Xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án " Đầu tư xây	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.722.831.332	Tài sản hình thái vô
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7217771/HĐTD ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng ngày 09/08/2017		Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của Khách hàng với MB,	Xây dựng nhà máy kéo sợi Eiffel	102 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	121.100.262.591	Tài sản hình thái vô
Tổng cộng							126.823.093.923

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
 thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%
Tại ngày 01/01/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	60.283.587.273	-	2.294.024.276	-	6.773.392.770	-	86.329.985.536	-	19.969.921.390	430.828.92
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.00
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	50.524.471.856	-	5.915.870.758	56.440.34
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	1.885.762.824	-	(1.885.762.824)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(51.035.602.000)	-	(3.000.000.000)	(54.035.602
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.257.175.216)	-	-	(1.257.175
Tại ngày 31/12/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	60.283.587.273	-	2.294.024.276	-	8.659.155.594	82.675.917.352	42.885.792.148	42.885.792.148	42.885.792.148	451.976.48
Tại ngày 01/01/2019	255.178.010.000	60.283.587.273	60.283.587.273	-	2.294.024.276	-	8.659.155.594	82.675.917.352	42.885.792.148	42.885.792.148	42.885.792.148	451.976.48
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	7.846.173.412	-	436.155.708	8.282.32
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	1.515.734.156	-	(1.515.734.156)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(51.035.602.000)	-	(5.104.553.424)	(56.140.155
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.010.489.437)	-	-	(1.010.489
Tại ngày 31/12/2019	255.178.010.000	60.283.587.273	60.283.587.273	-	2.294.024.276	-	10.174.889.750	36.960.265.171	42.885.792.148	38.217.394.432	38.217.394.432	403.108.171

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 204/2019/NQ-DHĐCĐ/ADS ngày 20/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,00%	1.515.734.156
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,00%	1.010.489.437
Chi trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)		51.035.602.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	255.178.010.000	100%	255.178.010.000
	<u>100%</u>	<u>255.178.010.000</u>	<u>100%</u>	<u>255.178.010.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	255.178.010.000	255.178.010.000
- Vốn góp đầu năm	255.178.010.000	255.178.010.000
- Vốn góp cuối năm	255.178.010.000	255.178.010.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.517.801	25.517.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.174.889.750	8.659.155.594
	<u>10.174.889.750</u>	<u>8.659.155.594</u>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	344.353,17	931.026,43
Đồng Euro (EUR)	101,60	101,60

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.507.950.792.026	1.674.031.438.449
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.506.252.437	16.021.873.526
Doanh thu kinh doanh bất động sản	190.433.885.119	147.056.784.109
Doanh thu khác	1.251.386.946	2.332.794.755
	<u>1.705.142.316.528</u>	<u>1.839.442.890.839</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<u>512.284.730.258</u>	<u>415.823.737.422</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.482.227.433.396	1.580.640.876.349
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.537.970.916	10.305.558.852
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	159.573.642.195	118.267.761.283
	<u>1.648.339.046.507</u>	<u>1.709.214.196.484</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.565.579.997	21.695.935.386
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.002.143.527	6.742.243.530
Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối năm	39.830.609	-
	<u>31.607.554.133</u>	<u>28.438.178.916</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	42.354.564.073	41.563.073.169
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.384.600.734	20.650.629.480
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.155.232.800	-
Chi phí tài chính khác	-	296.053.665
	48.894.397.607	62.509.756.314

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	602.973.800	634.790.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.837.158.406	9.133.973.172
Chi phí khác bằng tiền	40.161.380	1.356.526.245
	11.480.293.586	11.125.290.346

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.991.382.464	8.843.917.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.993.887.272	3.602.055.942
Thuế, phí, lệ phí	9.479.237	-
Chi phí dự phòng	1.239.044.721	1.546.036.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.245.460.498	16.781.435.504
	21.479.254.192	30.773.445.415

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.576.125.740	6.021.532.733
Tiền phạt thu được	-	230.039.500
Thu phí chuyển nhượng lô đất	-	964.420.750
Thu nhập khác	-	1.115.587.969
	3.576.125.740	8.331.580.952

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	725.306.718	-
Chi phí không được trừ	193.547.850	187.030.605
Chi phí khác	38.528.463	557.741.718
	957.383.031	744.772.323

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.296.465.957	4.838.665.676

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.846.173.412	50.524.471.856
Các khoản điều chỉnh	(156.923.468)	(1.010.489.437)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	(156.923.468)	(1.010.489.437)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.689.249.944	49.513.982.419
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.517.801	25.517.801
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	301	1.940

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số số 204/2019/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 20/04/2019.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm 2019		Năm 2018	
	VND		VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	779.064.181.777		690.117.262.136	
Chi phí nhân công	55.001.780.386		63.384.800.382	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.981.180.384		61.574.671.519	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.039.431.682		139.696.475.504	
Chi phí khác bằng tiền	18.311.273.031		19.457.739.253	
	1.033.397.847.260		974.230.948.794	

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.459.908.057	-	31.396.650.126	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	408.438.672.424	(10.831.965.133)	334.969.285.915	(9.592.920.412)
Các khoản cho vay	62.534.268.061	-	67.878.793.683	-
Đầu tư ngắn hạn	311.552.624.757	-	319.952.749.369	-
	811.985.473.299	(10.831.965.133)	754.197.479.093	(9.592.920.412)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	790.339.435.306	801.956.583.863
Phải trả người bán, phải trả khác	514.806.891.391	437.665.258.748
Chi phí phải trả	812.396.903	420.804.166
	1.305.958.723.600	1.240.042.646.777

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.459.908.057	-	-	29.459.908.057
Phải thu khách hàng, phải thu khác	397.606.707.291	-	-	397.606.707.291
Các khoản cho vay	62.534.268.061	-	-	62.534.268.061
Đầu tư ngắn hạn	311.552.624.757	-	-	311.552.624.757
	801.153.508.166	-	-	801.153.508.166

Tại ngày 01/01/2019

Tiền và các khoản tương đương tiền	31.396.650.126	-	-	31.396.650.126
Phải thu khách hàng, phải thu khác	325.376.365.503	-	-	325.376.365.503
Các khoản cho vay	67.878.793.683	-	-	67.878.793.683
Đầu tư ngắn hạn	319.952.749.369	-	-	319.952.749.369
	744.604.558.681	-	-	744.604.558.681

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	677.102.527.715	113.236.907.591	-	790.339.435.306
Phải trả người bán, phải trả khác	514.806.891.391	-	-	514.806.891.391
Chi phí phải trả	812.396.903	-	-	812.396.903
	1.192.721.816.009	113.236.907.591	-	1.305.958.723.600
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	659.705.062.666	142.251.521.197	-	801.956.583.863
Phải trả người bán, phải trả khác	437.665.258.748	-	-	437.665.258.748
Chi phí phải trả	420.804.166	-	-	420.804.166
	1.097.791.125.580	142.251.521.197	-	1.240.042.646.777

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.344.096.586	1.036.243.840.698	276.054.358.912	190.433.885.119	11.066.135.213	1.705.142.316.528
Giá vốn hoạt động kinh doanh	181.397.147.399	1.046.312.830.537	254.597.455.464	159.573.642.195	6.457.970.912	1.648.339.046.507
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.946.949.187	(10.068.989.839)	21.456.903.448	30.860.242.924	4.608.164.301	56.803.270.021

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng các bộ phận
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	863.014.335.736	842.127.980.792	1.705.142.316.528
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.800.318.182	-	2.800.318.182
Tài sản bộ phận	1.688.553.606.484	44.929.891.918	1.733.483.498.402
Nợ phải trả bộ phận	1.311.825.158.462	18.950.169.038	1.330.375.327.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 37.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	14.826.216.680	9.419.880.079
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	Cùng chung người quản lý chủ chốt	497.458.513.578	406.403.857.343
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	61.698.310.399	19.496.080.120
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	Cùng chung người quản lý chủ chốt	572.427.815.965	563.414.245.444

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	8.196.790.091
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	Cùng chung người quản lý chủ chốt	137.256.244.053	84.739.011.399
Phải thu khác			
Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	76.306.182	76.306.182
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	2.793.325.617	2.137.414.366
Phải thu về cho vay			
Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	90.000.000	90.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.463.213.996	1.268.683.333


CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.


 Lê Xuân Chiến
 Người lập


 Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng



 Vũ Huy Đông
 Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2020


 CÔNG TY
 HH
 TOÁN
 ĐỊNH GIÁ
 NAM
 M - I.P HÀ NỘI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Huy Đông